

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người CBTT: **PHAN HÙNG**
- Chức danh: Phó Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Ngày 29/3/2019, Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019. Công ty công bố thông tin các nội dung như sau:

1/ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 04/BB-ĐHĐCĐ2019-HĐQT, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 29/3/2019 (đính kèm Biên bản).

2/ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ2019-HĐQT, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua ngày 29/3/2019 (đính kèm Nghị quyết và tài liệu Đại hội đồng cổ đông).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/3/2019 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

VT Ân



II/ Thủ tục tiến hành Đại hội đồng cổ đông:

1/ Chủ tọa Đại hội:

- Ông Vũ Văn Học

- Chủ tịch HĐQT

2/ Chủ tọa Đại hội cử Ban thư ký để ghi lại nội dung và diễn biến của Đại hội, gồm:

1. Bà Đỗ Thị Thu Cúc

2. Ông Trịnh Bảo Ân

3/ Chủ tọa Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí 100% (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội) thông qua tờ trình đề cử Ban bầu cử và kiểm phiếu gồm:

1. Ông Nguyễn Đức Định - Trưởng ban.

2. Ông Nguyễn Quang Minh - Thành viên.

3. Ông Lý Thắng Cường - Thành viên.

4. Ông Vũ Đức Việt - Thành viên.

5. Ông Trần Hoàng Anh Phương - Thành viên.

Ban bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ: Kiểm phiếu biểu quyết; kiểm phiếu bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của các cổ đông dự họp để báo cho Ban Thư ký ghi vào Biên bản Đại hội.

4/ Chủ tọa Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí 100% (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội) thông qua Quy chế làm việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

5/ Chủ tọa Đại hội đã trình Đại hội biểu quyết nhất trí 100% (số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội) thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

III/ Nội dung chính của Đại hội:

1/ Đại hội đã nghe các nội dung báo cáo như sau:

1.1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018; kế hoạch hoạt động năm 2019.

1.2. Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

1.3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

1.4. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018.

1.5. Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

1.6. Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

1.7. Tờ trình thông qua danh sách các công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

1.8. Công bố Công bố Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi V/v thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sonadezi tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;

1.9. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020.

1.10. Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

1.11. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

1.12. Đại hội tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

1.13. Công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2/ Đại hội sau khi nghe các nội dung, cổ đông đã thảo luận và biểu quyết:

2.1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018; kế hoạch hoạt động năm 2019.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*

2.2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*

2.3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*

2.4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*

- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.

2.5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.

2.6. Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.

2.7. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Phân biểu quyết:

- Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.
- Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.

2.8. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020.

a/ Danh sách miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị gồm:

- Ông: Vũ Văn Học
- Ông: Phan Hùng
- Ông: Lê Duy Diệp
- Ông: Nguyễn Xuân Thịnh

b/ Danh sách ứng viên để bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị gồm:

- Ông: Vũ Văn Học
- Bà: Phạm Thị Hồng
- Ông: Nguyễn Cao Hà

Phân biểu quyết:

- *Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*

2.9. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

a/ Danh sách miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát gồm:

- Bà: Phạm Thị Hồng
- Bà: Phan Thùy Đoàn

b/ Danh sách ứng viên đề bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát gồm:

- Ông: Nguyễn Công Hiếu
- Ông: Nguyễn An Quốc

Phân biểu quyết:

- *Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*

2.10. Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành: 97.965.843 cổ phần chiếm 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.*

2.11. Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Ban bầu cử và kiểm phiếu đã thực hiện công tác bầu cử, phổ biến kỹ cho các cổ đông về Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử; thể lệ và cách thức bầu cử.

- Đại hội đã tiến hành bầu cử theo đúng Quy chế, thể lệ bầu cử.

* Kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT và thành viên BKS:

Theo kết quả kiểm phiếu: (Căn cứ vào Biên bản kiểm phiếu):

➤ **Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử gồm :**

- 1/ Bà Phạm Thị Hồng
- 2/ Ông Vũ Văn Học
- 3/ Ông Nguyễn Cao Hà



➤ **Thành viên Ban kiểm soát trúng cử gồm:**

1/ Ông Nguyễn Công Hiếu

2/ Ông Nguyễn An Quốc

2.12. Hội đồng quản trị đã họp để bầu Chủ tịch HĐQT; miễn nhiệm, bổ nhiệm Giám đốc Công ty. (theo Biên bản họp số 05/BB-HĐQT ngày 29/3/2019 của Hội đồng quản trị)

+ Bầu Ông Vũ Văn Học, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020.

+ Miễn nhiệm Ông Phan Hùng, thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020, kể từ ngày 01/4/2019.

+ Bổ nhiệm Bà Phạm Thị Hồng, giữ chức vụ Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020, kể từ ngày 01/4/2019.

2.13. Ban kiểm soát đã họp để bầu Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Ban kiểm soát đã bầu Ông Nguyễn Công Hiếu, giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 (theo Biên bản họp ngày 29/3/2019 của Ban kiểm soát).

V- THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI :

Đại hội đồng cổ đông nhất trí **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội thông qua toàn văn Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đã kết thúc lúc **12 giờ 10 phút** ngày **29/3/2019**.

Biên bản này đã được đọc toàn văn trước Đại hội. Chủ tọa Đại hội đã xin Đại hội biểu quyết. Đại hội đã nhất trí biểu quyết **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội.

- Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được công bố trên website của Công ty: <http://www.dowaco.vn>, chương mục: *Quan hệ cổ đông*.

BAN THƯ KÝ



Trịnh Bảo Ân

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Vũ Văn Học

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 04/BB-ĐHĐCĐ2019-HĐQT của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai ngày 29/3/2019.

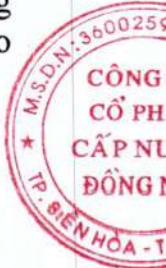
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai được tổ chức tại Hội trường Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, số 48, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Quyết Thắng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bắt đầu lúc 8 giờ 36 ngày 29/3/2019 và kết thúc lúc 12 giờ 10 phút ngày 29/3/2019.

Đến dự Đại hội có 74 cổ đông và đại diện nhóm cổ đông, sở hữu 97.965.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 97,965%/vốn điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Sau khi nghe các báo cáo, tờ trình theo chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết các nội dung:

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018; kế hoạch hoạt động năm 2019 - **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. - **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.
3. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 - **100%** số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.



4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018 - 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua với các chỉ tiêu như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :	114.821.264.176	
2	Lợi nhuận do CLTG đã thực hiện trả nợ k/c sang	7.888.059.864	
3	Điều chỉnh giảm LN do CLTG năm 2017: 4.242.149.061, năm 2016: 2.050.068.630	6.393.442.343	
4	Tổng lợi nhuận được phân phối	116.315.881.697	
5	Trích lập các quỹ (25,6% lợi nhuận sau thuế)	29.769.945.425	
a	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	17.447.382.255	
b	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	11.631.588.170	
	Trong đó: + Quỹ khen thưởng (5%)	5.815.794.085	
	+ Quỹ phúc lợi (4%)	4.652.635.268	
	+ Quỹ công tác XH cộng đồng (1%)	1.163.158.817	
c	- Quỹ thưởng Ban điều hành	690.975.000	
6	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL (*)	8 %	
	Số tiền chia cổ tức (bằng tiền mặt)	80.000.000.000	
7	Lợi nhuận năm 2018 còn lại	6.545.936.272	
8	Lợi nhuận còn lại năm 2017 chuyển sang	1.002.475.667	
9	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019	7.548.411.939	

(*) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 theo đúng quy định pháp luật.

5. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 - 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua với các chỉ tiêu chính cụ thể như sau :

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	920.000
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	165.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	134.000
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn	%	12,83
5	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	50.000
6	Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	80.000
7	Cổ tức	%	8 % (Nếu loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá)

6. Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019 – 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua, như sau:

6.1. Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:

- Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.052.043.161 đồng
- Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 593.646.216 đồng
- Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách: 654.000.000 đồng
- Tiền thưởng Ban quản lý điều hành: 651.400.000 đồng

6.2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019:

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức tiền lương, thù lao (đồng/người/tháng)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát		
a	Chủ tịch HĐQT	1	70.400.000
b	Trưởng Ban kiểm soát	1	44.000.000
2	Thù lao của thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát		
a	Thành viên HĐQT	6	8.000.000
b	Thành viên Ban kiểm soát	2	5.000.000

(Tiền lương quyết toán sẽ được thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019).

7. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 - 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

8. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020 - 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

9. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020 - 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội nhất trí thông qua.

10. Kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020:

➤ Thành viên Hội đồng quản trị trúng cử gồm :

- 1/ Bà Phạm Thị Hồng
- 2/ Ông Vũ Văn Học
- 3/ Ông Nguyễn Cao Hà

➤ **Thành viên Ban kiểm soát trúng cử gồm:**

- 1/ Ông Nguyễn Công Hiếu
- 2/ Ông Nguyễn An Quốc

11. Hội đồng quản trị đã tiến hành họp biểu quyết thông qua và đã được báo cáo trước Đại hội các nội dung sau:

- + Bầu Ông Vũ Văn Học, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020.
- + Miễn nhiệm Ông Phan Hùng, thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020, kể từ ngày 01/4/2019.
- + Bổ nhiệm Bà Phạm Thị Hồng, giữ chức vụ Giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2015 – 2020, kể từ ngày 01/4/2019.

12. Ban kiểm soát đã bầu Ông Nguyễn Công Hiếu, giữ chức vụ Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 và đã được báo cáo trước Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm theo dõi và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện đúng theo nội dung Nghị quyết này.

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai thông qua với 100%/số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực thi hành từ ngày 29/3/2019.

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN;
- SGDCCK Hà Nội;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT.HĐQT;

VT Âm/2019

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2019



Vũ Văn Học

TỔNG CÔNG TY SONADEZI
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
-----oOo-----



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Biên Hòa, ngày 29 tháng 3 năm 2019.

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy chế này sử dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Điều 2. Quy chế quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI**

Điều 4. Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông

1. Điều kiện tham dự Đại hội:

Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai theo danh sách chốt đến ngày 11/03/2019 (ngày đăng ký cuối cùng) hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (ĐHCĐ) của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;

2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông đủ điều kiện khi tham dự Đại hội.:

a) Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội cần mang theo các giấy tờ sau:

- Bản chính Giấy Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;

- Bản chính Phiếu đăng ký/Giấy ủy quyền tham dự họp ĐHCĐ (trường hợp được ủy quyền tham dự Đại hội).

b) Đăng ký tham dự Đại hội: Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội xuất trình các giấy tờ trên cho Ban Tổ chức và được nhận: 01 bộ tài liệu Đại hội, 01 Thẻ biểu quyết, 01 Phiếu biểu quyết, 01 Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), 01 Phiếu bầu thành viên Ban kiểm soát (BKS), trong đó:

- Một (01) “**Thẻ biểu quyết**” màu vàng có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Thẻ này dùng để biểu quyết và thông qua các nội dung theo chương trình Đại hội.

- Một (01) “**Phiếu biểu quyết**” màu xanh lá có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Phiếu này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

- Một (01) “**Phiếu bầu bổ sung TV HDQT**” màu xanh dương có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Phiếu này dùng để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2020;

- Một (01) “**Phiếu bầu bổ sung TV BKS**” màu hồng có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu Công ty. Phiếu này để bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020;

c) Trong thời gian diễn ra Đại hội, các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự trong Đại hội;

d) Cổ đông được quyền ủy quyền bằng văn bản cho người nhận ủy quyền thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba tham dự Đại hội.

e) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi muốn phát biểu ý kiến thảo luận phải được sự đồng ý của Chủ tọa, phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình của Đại hội đã được thông qua. Những vấn đề người trước đã phát biểu thì không nên phát biểu lại để tránh trùng lặp. Cổ đông tham dự Đại hội cũng có thể ghi các nội dung vào giấy để chuyển cho Ban Thư ký.

g) Được tham gia biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp.

h) Cổ đông hoặc người được ủy quyền khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

i) Trong thời gian tổ chức Đại hội, các cổ đông phải ăn mặc chỉnh tề, tuân theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa, tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội.

k) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến trễ sau khi Đại hội đã khai mạc thì sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký, được tham dự và tham gia biểu quyết về các nội dung cần biểu quyết còn lại theo chương trình Đại hội đã được thông qua. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

l) Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;

m) Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ im lặng hoặc tắt máy;

n) Trường hợp Cổ đông hoặc người được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 5. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, nên Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty theo Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa:

a) Điều hành các hoạt động của Đại hội theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội (nếu cần). Tiến hành các công việc cần thiết để Đại hội đồng cổ đông diễn ra có trật tự và thành công tốt đẹp, đáp ứng được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

b) Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình.

c) Trình dự thảo, kết luận về những nội dung cần thiết để Đại hội biểu quyết.

d) Trả lời hoặc chỉ định người trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

e) Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

Điều 6: Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đề cử và thành lập. Ban thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm: kiểm tra điều kiện tham dự Đại hội của cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự họp, xác định tính hợp lệ theo quy định của pháp luật và đối chiếu với danh sách cổ đông hoặc người được ủy quyền có quyền dự họp đã chốt đến ngày 11/3/2019; phát tài liệu Đại hội và Thẻ biểu quyết; báo cáo trước Đại hội và chịu trách nhiệm về kết quả thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội trước khi Đại hội chính thức được tiến hành.

Điều 7. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký Đại hội do Chủ tọa Đại hội cử ra theo Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

2. Ban Thư ký thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Chủ tọa Đại hội, bao gồm:

- a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ các nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- b) Hỗ trợ Chủ tọa công bố Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội, thông báo của Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
- c) Tiếp nhận phiếu hỏi ý kiến của cổ đông.

Điều 8. Ban bầu cử và kiểm phiếu

1. Ban bầu cử và kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Ban bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- a) Giám sát việc biểu quyết, bầu cử của các cổ đông hoặc người được ủy quyền tham dự Đại hội;
- b) Chuẩn bị thùng phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, hướng dẫn ghi phiếu, trình tự bỏ phiếu.
- c) Ban bầu cử và kiểm phiếu phải tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, kiểm phiếu bầu cử, thông báo kết quả cho Chủ tọa và Ban Thư ký, chịu trách nhiệm trước Chủ tọa, Đại hội cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
- d) Xem xét và báo cáo Chủ tọa Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết, bầu cử.

CHƯƠNG III TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 9. Điều kiện tiến hành Đại hội.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp và ủy quyền tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 11/3/2019.

Điều 10. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội cổ đông;
- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tọa nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp (không quá 10 phút).

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở các ý kiến phát biểu của cổ đông hoặc người được ủy quyền, Chủ tọa hoặc cán bộ được chỉ định sẽ giải đáp ý kiến cổ đông hoặc người được ủy quyền;

Điều 11. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội theo số cổ phần sở hữu và đại diện.

2. Cách thức biểu quyết:

a) Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- + Tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- + Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình.

b) Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông hoặc người đại diện của cổ đông sẽ thực hiện biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết và đánh dấu vào ô thích hợp trên Phiếu biểu quyết.

c) Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tọa để biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu ghi nhận mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến. Phương thức này được dùng để thông qua thành phần Ban bầu cử và kiểm phiếu, thông qua Chương trình Đại hội; các nội dung khác theo diễn biến thực tế tại Đại hội.

d) Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu ký tên, ghi đầy đủ họ và tên, sau đó gửi phiếu biểu quyết cho Ban bầu cử và kiểm phiếu.

3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:**

+ Là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

+ Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có đóng dấu của Công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) Phiếu biểu quyết và một (01) Thẻ biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 11/3/2019) tổng số cổ phần của Công ty là: 100.000.000 cổ phần tương đương với 100.000.000 quyền biểu quyết.

5. Ghi nhận kết quả biểu quyết

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban bầu cử và kiểm phiếu.

- Ban bầu cử và kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả kết quả kiểm phiếu biểu quyết.

- Ban bầu cử và kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; phải được số đại biểu đại diện ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

- Đối với các vấn đề còn lại, phải được số đại biểu đại diện ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

7. Cách thức và các quy định có liên quan đến việc bầu cử được phổ biến tại Quy chế bầu cử và tuân thủ các quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp và Quy chế về quản trị Công ty.

Điều 12: Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

2. Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội lưu giữ tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Điều 13: Xử lý trường hợp tổ chức Đại hội cổ đông không thành.

1. Trường hợp không có đủ điều kiện tiến hành Đại hội theo quy định, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên lần một. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần hai phải có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Nếu Đại hội cổ đông thường niên lần thứ hai không có đủ điều kiện tiến hành theo quy định, thì Đại hội lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự kiến tổ chức Đại hội lần thứ hai. Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được

tiến hành không phụ thuộc số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết. Các vấn đề do Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba biểu quyết thông qua đều được coi là hợp lệ.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14: Quy chế này gồm 4 Chương và 14 Điều do Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai ban hành tuân thủ các quy định pháp luật.

Quy chế này sẽ chính thức có hiệu lực và được áp dụng ngay tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua với tỷ lệ biểu quyết tán thành là trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

Các cổ đông, thành viên Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chịu trách nhiệm thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Học



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48 Cách mạng tháng 8, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: 0251.3843316 Fax: 0251.3847149

Website: www.dowaco.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

(Bắt đầu lúc 08h30 ngày 29 tháng 3 năm 2019)

Thời gian	Nội dung
7h30–8h30	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp đại biểu và cổ đông;- Kiểm tra tư cách đại biểu, phát phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, thẻ biểu quyết và tài liệu Đại hội
08h30 - 08h45	<ul style="list-style-type: none">- Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu;- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;- Chủ tọa chỉ định các cán bộ của Công ty tham gia điều hành hoạt động của Đại hội và 02 người làm Thư ký Đại hội;- Thông qua danh sách Ban bầu cử và kiểm phiếu;- Thông qua Quy chế làm việc;- Thông qua Chương trình Đại hội.
08h45 – 10h00	Các báo cáo tại Đại hội: <ul style="list-style-type: none">- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018; kế hoạch hoạt động năm 2019;- Báo cáo của Ban kiểm soát về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018.- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.
	Nội dung các tờ trình: <ul style="list-style-type: none">- Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018;- Tờ trình thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019;- Tờ trình quyết toán tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS năm 2018 và kế hoạch năm 2019;- Tờ trình thông qua danh sách các công ty kiểm toán BCTC năm 2019;- Miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2020:<ul style="list-style-type: none">+ Công bố Quyết định của Tổng Công ty Sonadezi về việc thay đổi nhân sự làm người đại diện quản lý phần vốn tại DOWACO;+ Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên HĐQT;+ Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm và bầu cử bổ sung thành viên BKS;
10h00 -10h30	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội thảo luận các nội dung và biểu quyết thông qua các nội dung đề trình của HĐQT và BKS;- Ban bầu cử và kiểm phiếu kiểm phiếu biểu quyết;
10h30 -10h50	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 – 2020;- Đại hội tiến hành bầu cử;
10h50 – 11h05	<ul style="list-style-type: none">- <i>Đại hội nghỉ giải lao, Ban bầu cử và kiểm phiếu kiểm phiếu bầu cử;</i>
11h05 – 11h20	<ul style="list-style-type: none">- Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố kết quả bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2015 - 2020;
	<ul style="list-style-type: none">- Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ra mắt Đại hội;
	<ul style="list-style-type: none">- Thư ký đọc Biên bản và Nghị quyết Đại hội;
	<ul style="list-style-type: none">- Đại hội biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết;
	<ul style="list-style-type: none">- Chủ tọa tuyên bố bế mạc Đại hội;

Số: 15 /BC-HĐQT

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 19/04/2018;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2018, như sau:

I- GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY:

1. Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai
2. Tên viết tắt: DOWACO
3. Mã chứng khoán: DNW
4. Địa chỉ trụ sở chính: Số 48 – đường Cách Mạng Tháng 8 - phường Quyết Thắng - TP. Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai.
5. Điện thoại : (84) 0251 3843316 Fax: (84) 0251 3847149
6. Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh nước sạch, xây dựng lắp đặt hệ thống cấp nước, kinh doanh dịch vụ ngành nước và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng (Một ngàn tỷ đồng), số lượng cổ phần 100.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trong đó:

- Vốn của Tổng Công ty Sonadezi: 639.891.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi chín tỷ tám trăm chín mươi một triệu đồng) chiếm tỉ lệ 63,99 %

- Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 360.109.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi tỷ một trăm lẻ chín triệu đồng) chiếm tỷ lệ 36,01 %

8. Cơ cấu tổ chức điều hành doanh nghiệp: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai hoạt động theo Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty. Tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

II- BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018:

1/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai trong năm 2018 bao gồm có 07 (bảy) thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 4.900 CP (0,0049%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 16.989.100 CP (16,99%)
2	Phan Hùng	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 35.200 CP (0,0352%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 15.000.000 CP (15%)
3	Lê Duy Diệp	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 5.500 CP (0,0055%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 10.000.000 CP (10%)
4	Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 35.700 CP (0,036%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 10.000.000 CP (10%)
5	Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 5.200 CP (0,0052%) - Đại diện cho Tổng Cty Sonadezi: 10.000.000 CP (10%)
6	Nguyễn Văn Thiên	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0 CP - Đại diện cho Cty cổ phần CTN Môi trường Bình Dương và Cty CP nước Thủ Dầu Một: 29.750.833 CP (29,75%)
7	Võ Văn Bình	Thành viên HĐQT	- Sở hữu cá nhân: 0 CP

(Số lượng cổ phiếu căn cứ vào danh sách cổ đông chốt đến ngày 11/03/2019)

2/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

a/ Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thực hiện 06 (sáu) cuộc họp Hội đồng quản trị. Tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban Kiểm soát với tư cách quan sát viên. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp Hội đồng quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ %	Lý do không tham dự
1	Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch	6/6	100	
2	Ông Phan Hùng	Thành viên	6/6	100	
3	Ông Lê Duy Diệp	Thành viên	6/6	100	
4	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên	6/6	100	
5	Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên	6/6	100	
6	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	6/6	100	
7	Ông Võ Văn Bình	Thành viên	6/6	100	

b/ Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định về những vấn đề: tăng vốn điều lệ của Công ty liên kết; điều động luân chuyển người đại diện phần vốn và tham gia ứng cử Ban quản lý điều hành tại các Công ty con, Công ty liên kết; điều chỉnh giá bán nước qua đồng hồ tổng cho Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch; ban hành Quy chế tiền lương, thù lao và tiền thưởng, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ; củng cố và kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn của Công ty...; định hướng về chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, như sau:

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	26/01/2018	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD và xây dựng cơ bản năm 2017, thông qua phương hướng giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018.
2	02/NQ-HĐQT	09/4/2018	Nghị quyết HĐQT V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
3	03/NQ- HĐQT	09/4/2018	Nghị quyết HĐQT V/v tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.
4	04/NQ- HĐQT	12/4/2018	Nghị quyết HĐQT V/v điều động, luân chuyển Người đại diện phần vốn và tham gia ứng cử Ban quản lý điều hành tại các Công ty con và Công ty liên kết, nhiệm kỳ 2018-2023.
5	06/NQ- HĐQT	10/8/2018	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2018, thông qua kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2018.
6	07/NQ- HĐQT	25/10/2018	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD 9 tháng đầu năm 2018, thông qua kế hoạch thực hiện 3 tháng cuối năm 2018.
7	08/NQ- HĐQT	22/11/2018	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua việc điều chỉnh giá bán nước qua đồng hồ tổng cho Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch.
8	01/QĐ- HĐQT	02/01/2018	Quyết định V/v khen thưởng các tập thể và cá nhân các Công ty con, Công ty liên kết trực thuộc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai được tặng giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017”.
9	02/QĐ- HĐQT	02/01/2018	Quyết định V/v khen thưởng các tập thể và cá nhân các Công ty con, Công ty liên kết trực thuộc Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2017.
10	08/QĐ- HĐQT	16/3/2018	Quyết định V/v quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2017.
11	09/QĐ- HĐQT	16/3/2018	Quyết định V/v phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và Quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2018.
12	12/QĐ- HĐQT	09/4/2018	Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
13	13/QĐ- HĐQT	12/4/2018	Quyết định V/v cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch, nhiệm kỳ 2018-2023.
14	14/QĐ- HĐQT	12/4/2018	Quyết định V/v cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần cấp nước Long Khánh, nhiệm kỳ 2018-2023.
15	15/QĐ- HĐQT	12/4/2018	Quyết định V/v cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai tại

Stt	Số Nghị quyết, Quyết định	Ngày	Nội dung
			Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai, nhiệm kỳ 2018-2023.
16	16/QĐ- HĐQT	26/4/2018	Quyết định V/v chi trả tiền lương Người quản lý, điều hành Công ty năm 2018.
17	20/QĐ- HĐQT	22/5/2018	Quyết định V/v chi tiền thưởng Người quản lý điều hành Công ty.
18	23/QĐ- HĐQT	25/6/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế tiền lương, thù lao và tiền thưởng Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
19	26/QĐ- HĐQT	26/6/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
20	27/QĐ- HĐQT	27/6/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty.
21	44/QĐ- HĐQT	15/11/2018	Quyết định V/v cùng cố và kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng.
22	45/QĐ- HĐQT	16/11/2018	Quyết định V/v kiện toàn Hội đồng tư vấn của Công ty.
23	47/QĐ- HĐQT	26/12/2018	Quyết định V/v công nhận danh hiệu thi đua cấp cơ sở năm 2018 đối với tập thể, cá nhân các Công ty con, Công ty liên kết thuộc Công ty CP cấp nước Đồng Nai.

c/ Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

- Căn cứ vào các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT và đưa ra các nghị quyết, quyết định làm cơ sở cho Ban điều hành tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác quản lý Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty; nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ; kiểm tra việc thực thi công việc theo phân công, phân cấp từ HĐQT.

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, năng động, đặc biệt tìm kiếm khách hàng, mở rộng mạng lưới cấp nước và phát triển khách hàng.

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

- Tiếp tục thực hiện Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định; giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d/ Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc Công ty:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Ban Giám đốc triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đề ra.

- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.

- Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo các chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị, đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.

- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty.

- Tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

III- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2018:

1/ Kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

S T T	Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Theo BCTC riêng đã kiểm toán		Thực hiện 2018 theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán
			Thực hiện 2018	So với kế hoạch 2018 (%)	
I	Tổng doanh thu	880.000.000.000	933.491.005.692	106,08	1.023.918.891.865
II	Tổng chi phí (loại trừ yếu tố lỗ do CLTG)	730.000.000.000	783.446.441.050	107,32	855.427.891.865
III	Lợi nhuận SXKD trước thuế (loại trừ yếu tố lỗ do CLTG)	150.000.000.000	150.044.564.642	100	168.491.346.874
1	Lỗ do CLTG chưa thực hiện 2018		17.850.671.160		17.850.671.160
2	Lợi nhuận 2018 còn lại trước thuế		132.193.893.482		150.640.675.714
IV	Phải nộp thuế TNDN	27.800.000.000	17.372.629.306	62,5	23.255.683.592
V	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	122.200.000.000	116.315.881.697	95,19	128.688.761.694
1	Lợi nhuận sau thuế 2018	122.200.000.000	114.821.264.176	93,97	127.194.144.173
2	Lợi nhuận do CLTG thực hiện trả nợ năm 2018 k/c		7.888.059.864		7.888.059.864
3	Đ/c giảm LN do CLTG dự án TT2 năm 2016, 2017		6.393.442.343		6.393.442.343
VI	Trích lập các quỹ (25,6% lợi nhuận được PP)		29.769.945.425		
1	Quỹ đầu tư phát triển (15%)		17.447.382.255		
2	Quỹ khen thưởng - phúc lợi (10%)		11.631.588.170		
3	Quỹ thưởng Ban điều hành (0,6%)		690.975.000		
VII	Lợi nhuận còn lại được chia cổ tức		87.548.411.939		
1	Lợi nhuận sau phân phối năm 2017		1.002.475.667		
2	Lợi nhuận 2018 còn lại		86.545.936.272		
VIII	Tỷ lệ chia cổ tức	8%	8%		
	Số tiền chia cổ tức	80.000.000.000	80.000.000.000		
IX	Lợi nhuận còn lại sau phân phối chuyển sang 2019		7.548.411.939		
X	Phát sinh nộp ngân sách	48.000.000.000	59.593.902.436		74.685.272.911
XI	Đầu tư xây dựng cơ bản	336.000.000.000	452.008.705.281		452.008.705.281
XII	Tổng vốn điều lệ	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000	100%	1.000.000.000.000

2/ Một số đặc điểm nổi bật tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cơ quan ban ngành từ Trung ương đến địa phương, đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Công ty Sonadezi đã tạo điều kiện thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Sự quyết tâm thực hiện chức trách nhiệm vụ của Ban lãnh đạo Công ty; sự đoàn kết, đồng thuận, tin tưởng của toàn thể CB.CNV Công ty là đóng góp rất to lớn trong việc thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như các mặt hoạt động khác của Công ty trong năm 2018.

- Việc quản lý, bảo toàn và phát triển nguồn vốn luôn đặt ra yêu cầu Công ty phải tập trung chỉ đạo quyết liệt hơn trong công tác quản lý tài chính, công tác kiểm tra, giám sát, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực để đảm bảo phát triển bền vững.

- Tuy nhiên, những biến động về tỷ giá ngoại tệ trên thế giới trong thời gian gần đây đã ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty khi đầu tư các dự án cấp nước có quy mô lớn, vay vốn từ nước ngoài.

- Công ty đã rà soát kế hoạch cấp nước an toàn năm 2018, triển khai kế hoạch cấp nước an toàn năm 2019 bổ sung giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

3/ Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đúng theo chương trình, kế hoạch đã được thông qua.

- Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty.

- Ban Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh cũng như trình bày phương hướng hoạt động để Hội đồng quản trị xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị và thông qua báo cáo hàng quý, từ đó Hội đồng quản trị luôn nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính Công ty, luôn trong thế chủ động trong việc chỉ đạo, điều hành, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty một cách sớm nhất.

4/ Về công tác quản trị tài chính:

- Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được Hội đồng quản trị chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chỉ tiêu tài chính trong hoạt động kinh

doanh, trong xây dựng cơ bản thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác công bố thông tin và quan hệ cổ đông theo quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng quy mô lớn.

IV- BÁO CÁO VỀ TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG, THÙ LAO CỦA TỪNG THÀNH VIÊN: HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao
I	Hội đồng quản trị				
1	Vũ Văn Học	Chủ tịch HĐQT	1.052.043.161	94.200.000	
2	Phan Hùng	TV.HĐQT, Giám đốc	975.962.861	92.200.000	90.000.000
3	Lê Duy Diệp	TV.HĐQT, Phó Giám đốc	758.662.507	72.000.000	90.000.000
4	Nguyễn Xuân Thịnh	TV.HĐQT, Phó Giám đốc	758.662.507	72.000.000	90.000.000
5	Nguyễn Văn Bình	TV.HĐQT, Phó Giám đốc	758.662.507	72.200.000	90.000.000
6	Nguyễn Văn Thiên	TV.HĐQT		40.000.000	90.000.000
7	Võ Văn Bình	TV.HĐQT		40.000.000	90.000.000
II	Ban kiểm soát				
1	Phạm Thị Hồng	Trưởng ban	593.646.216	59.200.000	
2	Phan Thuỳ Đoan	Thành viên		25.000.000	57.000.000
3	Tăng Tố Vân	Thành viên		25.000.000	57.000.000
III	Người điều hành				
1	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	630.160.241	59.200.000	
	Cộng		5.527.800.000	651.400.000	654.000.000

V- KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019:

Năm 2019 là năm có ý nghĩa rất quan trọng trong nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Với những kết quả đã đạt được qua 4 năm hoạt động, Hội đồng quản trị Công ty xác định mục tiêu phải hoàn thành đạt và vượt những chỉ tiêu kế hoạch được Tổng Công ty Sonadezi, Đại hội đồng cổ đông giao; thực hiện tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn nguồn nước. Qua đó, Hội đồng quản trị Công ty xác định các chỉ tiêu, kế hoạch trọng tâm như sau:

1. Chỉ tiêu thực hiện:

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	920.000
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	165.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	134.000
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn	%	12,83
5	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	50.000
6	Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	80.000
7	Cổ tức	%	8 % (Nếu loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá)

2. Kế hoạch, nhiệm vụ về công tác quản trị:

a) Về tổ chức bộ máy:

- Sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn các phòng, ban, đội chi nhánh trực thuộc để tăng cường chức năng tham mưu, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phạm vi cung cấp nước và quy mô phát triển của Công ty.

- Thực hiện bồi dưỡng, đánh giá, sắp xếp đội ngũ cán bộ là người quản lý, người đại diện phần vốn, người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bổ sung lực lượng kế cận cho công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.

b) Về điều hành quản lý sản xuất:

- Tiếp tục thực hiện việc khoán chi phí trong quản lý, điều hành tại các chi nhánh trực thuộc.

- Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý vận hành nhà máy, quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý thủy lực, quản lý mạng nhằm góp phần hạ tỷ lệ thất thoát nước.

- Tăng cường công tác nâng công suất nhà máy sản xuất nước.

- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý đồng hồ nước để thay thế định kỳ khi đến hạn; sửa chữa, thay thế đồng hồ nước hư hỏng, ngưng chạy, chạy bất thường.

c) Về triển khai thực hiện các dự án:

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân, thanh quyết toán các dự án cấp nước sử dụng vốn vay thương mại và vốn của Công ty; tập trung giải quyết các khó khăn đã gặp phải trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các nguồn vốn đầu tư.

- Triển khai thực hiện các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2) góp phần tăng doanh thu, phát triển khách hàng.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng, UBND thành phố Biên Hòa, các huyện, phường xã có nhà máy và hệ thống cấp nước của Công ty để đầu tư hệ thống mạng lưới; sử dụng các nguồn vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả để mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty, cho cổ đông, đồng thời góp phần phục vụ nhu cầu của khách hàng vùng ven đô thị.

- Tranh thủ các nguồn vốn, các chính sách ưu đãi đầu tư từ ngân sách, từ vốn do khách hàng đóng góp để triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện.

d) Về quản lý khách hàng và cải tiến thủ tục hành chính:

- Tiếp tục cải tiến quy trình giải quyết công việc giữa các phòng, ban, đội; xây dựng và thực hiện kiểm tra giám sát, hoàn thiện các quy trình giải quyết các dịch vụ khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trong toàn Công ty, tránh phiền hà cho người dân.

- Tiếp tục tăng cường phát triển khách hàng và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý khách hàng.

- Tiếp tục phát triển các kênh nhờ thu đa dạng, để khách hàng thuận tiện cho việc thanh toán tiền nước.

Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân



Số: 01 /BC-BKS

Biên Hòa, ngày 18 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động
sản xuất kinh doanh năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;

Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 như sau:

A. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam, Ban kiểm soát đã thẩm định và thống nhất các vấn đề sau:

- Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh đầy đủ các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty.

- Đối với vấn đề nhấn mạnh của báo cáo kiểm toán độc lập Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng cần có các biện pháp giải quyết kịp thời để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

1. Giới hạn kiểm tra:

Ban kiểm soát xác định giới hạn như sau: Không tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản, tiền mặt tồn quỹ, vật tư, hàng hoá, sản phẩm dở dang tại thời điểm 31/12/2018; không thực hiện xác minh, đối chiếu chứng từ và hóa đơn đầu vào đơn vị đã kê khai khấu trừ và đã hạch toán trong năm 2018; không tổ chức đối chiếu, xác nhận tất cả các khoản nợ phải thu, nợ phải trả.

2. Phương pháp kiểm tra:

Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu căn cứ số liệu trên Báo cáo tài chính, sổ kế toán, hóa đơn và chứng từ do đơn vị xuất trình tại thời điểm kiểm tra.

3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh thể hiện qua một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ thực hiện/kế hoạch	Tỷ lệ năm nay/năm trước
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	1.000.000	1.000.000	1.000.000	100,00	100,00
2	Tổng doanh thu	Tr.đ	880.000	933.491	867.260	106,08	107,64
	Trong đó						
	<i>Doanh thu kinh doanh nước</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>839.000</i>	<i>856.568</i>	<i>799.963</i>	<i>102,09</i>	<i>107,08</i>
	<i>Doanh thu sản xuất khác</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>30.000</i>	<i>57.574</i>	<i>52.835</i>	<i>191,91</i>	<i>108,97</i>
	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>11.000</i>	<i>16.785</i>	<i>14.114</i>	<i>152,59</i>	<i>118,92</i>
	<i>Thu nhập khác</i>	<i>Tr.đ</i>		<i>2.564</i>	<i>348</i>		<i>736,78</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	150.000	132.194	30.544	88,13	432,81
	<i>Lợi nhuận từ hoạt động sxkd</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>150.000</i>	<i>150.045</i>	<i>126.927</i>	<i>100,03</i>	<i>115,99</i>
	<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>Tr.đ</i>	<i>-</i>	<i>(17.851)</i>	<i>(96.383)</i>		<i>18,06</i>
4	Thuế TNDN	Tr.đ	27.800	17.373	4.328	62,49	401,41
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	122.200	114.821	26.215	93,96	437,99
6	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	11,88	11,48	2,62	96,64	438,16
7	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	13,89	12,30	3,02	88,55	407,27
8	Phải nộp ngân sách nhà nước	Tr.đ	48.000	59.593	41.778	124,15	142,64

Nhìn chung các chỉ tiêu sản xuất đảm bảo kế hoạch do đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã thông qua.

Trong công tác sản xuất các đơn vị đã thực hiện tốt việc vận hành các nhà máy góp phần vào việc hoàn thành kế hoạch chung tuy nhiên cho đến nay việc giao kế hoạch sản xuất cụ thể cho các đơn vị sản xuất trực tiếp chưa được áp dụng làm cho tính chủ động của các bộ phận chưa cao.

Trong năm Công ty đã thực hiện việc khoán chi phí tiền lương, chi phí sửa chữa nhỏ, chi phí điện năng, hóa chất... tuy nhiên việc khoán này chưa phát huy hết hiệu quả của các đơn vị sản xuất do đó cần có biện pháp cải tiến trong các năm tới.

Việc cơ cấu lại tài sản và nguồn vốn trong kinh doanh chưa được Ban lãnh đạo giải quyết kịp thời do đó làm cho tình trạng mất cân đối vốn chưa được cải thiện.

4. Tình hình đầu tư, xây dựng và mua sắm tài sản:

4.1. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định:

- Tài sản cố định hữu hình tăng mới: chủ yếu là do hình thành từ XDCB 810.698.980.980 đồng, 9.510.237.432 đồng mua sắm mới, giảm nguyên giá trong kỳ do thanh lý tài sản đã qua sử dụng là 20.274.883.760 đồng.

- Tài sản cố định vô hình tăng mới là 720.000.000 đồng (chi phí mua phần mềm)

- Chi phí khấu hao tài sản cố định trong năm 2018 là 162.281.040.673 đồng (trong đó: khấu hao trong kỳ 182.408.953.670 đồng và khấu hao giảm do thanh lý tài sản 20.127.912.997 đồng) chiếm tỉ lệ 21,38% chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.2. Tình hình đầu tư xây dựng cơ bản:

Đến ngày 31/12/2018 chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang là: 193.278.231.598 đồng, bao gồm các công trình cơ bản như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Công trình	Giá trị	Ghi chú
1	Dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	74.980.313.167	
2	Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2	90.585.054.910	
3	Các dự án khác	27.712.863.521	
	Tổng cộng	193.278.231.598	

- Dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2 đã đi vào hoạt động bổ sung công suất 100.000m³ ngày/đêm cho nhu cầu kinh doanh, như vậy tổng công suất của các nhà máy của Công ty đến cuối năm 2018 là hơn 400.000 m³ ngày/đêm.

- Dự án cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2 đang chờ ý kiến của các cơ quan có thẩm quyền về việc tạm hoãn thực hiện dự án bằng nguồn vốn vay ODA.

- Trong năm công ty có tiến hành một số dự án HTCN tại các huyện tuy nhiên các dự án này chưa phát huy hiệu quả tối ưu, số lượng khách hàng sử dụng nước tại các địa bàn này còn rất hạn chế.

5. Hoạt động đầu tư tài chính:

Tổng giá trị khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác đến ngày 31/12/2018 là: 129,598 tỷ đồng, doanh thu từ đầu tư tài chính năm 2018 là: 14.405 triệu đồng thể hiện qua bảng số liệu sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chi tiêu	Giá trị khoản đầu tư đầu kỳ	Phát sinh		Giá trị khoản đầu tư cuối kỳ	Tỷ lệ góp vốn/ vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Tỷ lệ cổ tức	Giá trị
			Tăng	Giảm					
I	Đầu tư vào công ty con	103.728			103.728				12.399
1	Công ty CP cấp nước Nhơn Trạch	90.978			90.978	52,44%	100.000	20%	10.487
2	Cty CP cấp nước Long Khánh	12.750			12.750	51%	25.000	15%	1.912
II	Đầu tư vào công ty liên kết	22.800			22.800				1.809
1	Cty CP dịch vụ & xây dựng cấp nước	7.800			7.800	36%	23.450	30%	1.809
2	Công ty CP cấp nước Gia Tân	15.000			15.000	25%	60.000		
III	Đầu tư tài chính khác	3.069			3.069				197
1	Cty CP Sonadezi Châu Đức	1.039			1.039	0,10%	1.000.000	5%	47
2	Cty CP dịch vụ Sonadezi	2.030			2.030	2%	50.000	15%	150
	Tổng cộng	129.599			129.599				14.405

Nhìn chung các công ty có vốn góp hoạt động có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, riêng Công ty CP cấp nước Gia Tân còn đang trong giai đoạn đầu tư nên chưa đánh giá trong kỳ báo cáo. Tuy nhiên các công ty cần có kế hoạch tích lũy để có khả năng tái đầu tư mở rộng sản xuất trong các năm tiếp theo.

6. Quản lý doanh thu, công nợ phải thu:

Căn cứ chuẩn thu tháng 12/2018 tình hình cung cấp nước thể hiện qua bảng số liệu sau:

S T T	Nội dung	Năm 2017		Năm 2018		Tỷ lệ tăng trưởng		Ghi chú
		Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ năm (m ³ /năm)	Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ năm (m ³ /năm)	Số lượng danh bộ (đồng hồ)	Sản lượng tiêu thụ năm (m ³ /năm)	
1	2	3	4	5	6	7=5/3	8=6/4	9
I	Tổ chức	3.036	50.373.409	3.353	50.756.749	110,44	100,76	
	Tỷ lệ (%) (I/III)	1,58	58,03	1,59	54,19			
II	Hộ gia đình	188.740	36.438.355	207.541	42.902.330	109,96	117,74	
	Tỷ lệ (%) (II/III)	98,42	41,97	98,41	45,81			
III	Tổng cộng	191.776	86.811.764	210.894	93.659.079	109,97	107,89	

Như vậy tính đến thời điểm cuối năm 2018 thì sản lượng tiêu thụ đạt gần 65% (256.600/400.000 m³/ngày đêm) công suất khai thác của các nhà máy (bao gồm cả dự án Thiện Tân giai đoạn 2). Như vậy vấn đề đặt ra cho Công ty trong các năm tiếp theo là phải có kế hoạch kinh doanh phù hợp để phát huy tối đa công suất các nhà máy hiện hữu.

Tổng số nợ phải thu ngắn hạn và dài hạn thể hiện qua bảng số liệu sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2017
1	Phải thu ngắn hạn	55.524.996.179	64.741.676.848
2	Trả trước cho người bán	65.292.368.922	194.604.515.826
3	Phải thu ngắn hạn khác	9.051.416.283	2.480.587.964
	Tổng cộng:	129.868.781.384	261.826.780.638

- Phải thu ngắn hạn cuối kỳ chủ yếu là số liệu chuẩn thu tiền nước sẽ được thu vào tháng sau.

- Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là việc thực hiện các hợp đồng của dự án Thiện Tân giai đoạn 2, do dự án đã hoàn thành đang trong giai đoạn quyết toán do đó khoản trả trước cho người bán giảm đáng kể so với năm 2017.

7. Đánh giá tình hình tài chính của Công ty:

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán các chỉ tiêu cơ bản về tài chính phản ánh như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	94,55	88,78
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	5,44	11,21
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	66,20	67,25
	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	33,80	32,74
	Nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	lần	1,96	2,05
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,33	0,63
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,05	0,12
4	Tỷ suất sinh lợi			
	Tỷ suất LNST / Tổng tài sản	%	3,12	0,73
	Tỷ suất LNST / Vốn CSH	%	9,26	2,22
	Tỷ suất LNST / Doanh thu	%	12,56	3,07

Sau khi Dự án HTCN Thiện Tân giai đoạn 2 đầu tư hoàn thành thì cơ cấu tài sản dài hạn chiếm đa số trong tổng tài sản của Công ty tính đến cuối năm 2018, tương tự cơ cấu nợ trong tổng nguồn vốn tương đối cao gấp gần hai lần vốn chủ sở hữu. Với cơ cấu tài sản và nguồn vốn như hiện nay Công ty cần phải có kế hoạch kinh doanh trong dài hạn để cân đối và nâng cao khả năng tài chính trong những năm tiếp theo.

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán rất thấp, Công ty gần như chưa đảm bảo khả

năng thanh toán nhanh, các chỉ số này ngày càng có xu hướng giảm do trong năm qua Công ty chưa có các biện pháp quyết liệt để cải thiện.

Các chỉ số về tỷ suất sinh lời năm 2018 cao hơn năm 2017 do ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá năm 2018 là thấp so với năm 2017.

C. ĐÁNH GIÁ VIỆC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá hoạt động của HĐQT Công ty:

- Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động chuyên trách và 04 thành viên kiêm nhiệm trong ban điều hành Công ty. Các thành viên HĐQT đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty. Tuy nhiên do việc phân quyền cho Giám đốc làm cho vai trò hoạt động của Hội đồng quản trị còn chưa phát huy cao.

- HĐQT đã thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty.

- Trong năm HĐQT đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận năm 2017 theo đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua.

STT	NỘI DUNG	Tỷ lệ	SỐ TIỀN (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế năm 2017		26.215.253.347
2	Lợi nhuận do CLTG các năm trước đã thực hiện và điều chỉnh do kiểm toán		11.611.299.307
	Cộng lợi nhuận được phân phối		37.826.552.654
3	Trích lập các quỹ		10.096.538.164
3.1	Quỹ đầu tư phát triển	15,00%	5.673.982.898
3.2	Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	10,00%	3.782.655.266
	+ Quỹ khen thưởng người lao động	5,00%	1.891.327.633
	+ Quỹ phúc lợi Công ty	4,00%	1.513.062.106
	+ Quỹ công tác XH cộng đồng	1,00%	378.265.527
3.3	Quỹ thưởng người quản lý	1,69%	639.900.000
4	Lợi nhuận còn lại năm 2017		27.730.014.490
5	Lợi nhuận còn lại năm 2016		11.314.973.613
6	Lợi nhuận còn lại năm 2015		1.957.487.564
7	Cổ tức (% vốn điều lệ)	4,00%	40.000.000.000
8	Tổng lợi nhuận còn chuyển sang năm 2018		1.002.475.667

- Việc chỉ đạo thực hiện các đánh giá kiến nghị của Ban kiểm soát trong năm còn chưa triệt để.

2. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban Giám đốc gồm 4 thành viên mỗi thành viên đều phát huy vai trò trách nhiệm của mình trong công việc.

- Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Việc chấn chỉnh theo các nhận xét, đánh giá và kiến nghị của Ban kiểm soát trong năm còn chưa thực hiện đầy đủ.

3. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Giám đốc, cán bộ quản lý và cổ đông:

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp HĐQT, họp tổng kết hàng quý nhằm nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT và Giám đốc giúp cho công tác giám sát được sâu sát và chặt chẽ hơn.

- Các cán bộ quản lý đã phối hợp cung cấp các tài liệu, hồ sơ giúp Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm tra, giám sát.

- Đối với cổ đông: Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông.

D. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Phân công nhiệm vụ của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó Trưởng Ban kiểm soát hoạt động chuyên trách tại Công ty. Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và được phân công như sau:

- Bà Phạm Thị Hồng – Trưởng ban:

+ Xem xét, kiểm tra thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

+ Xem xét tính hợp lý các văn bản ban hành trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh và công tác tài chính của Công ty;

+ Xem xét việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định nội bộ trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh, công nợ phải trả và các nội dung còn lại.

- Bà Phan Thùy Đoan - thành viên:

+ Xem xét, kiểm tra thực hiện các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư; tình hình tăng giảm tài sản cố định.

+ Xem xét, kiểm tra việc phân chia cổ tức và trích lập các quỹ hàng năm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên

- Bà: Tăng Tố Vân - thành viên:

+ Xem xét kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm;

+ Kiểm tra doanh thu và công nợ phải thu;

+ Kiểm tra công tác ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế.

2. Thực hiện kế hoạch năm 2018 của Ban kiểm soát:

Theo kế hoạch hoạt động năm 2018 Ban Kiểm soát đã triển khai các công việc như sau:

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty, đánh giá sự tuân thủ pháp luật đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2017 nhằm phục vụ cho việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty đã được tổ chức vào tháng 4/2018 theo đúng trình tự và quy định.

- Giám sát tình hình hoạt động quý 1/2018 của Công ty.

- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018

- Giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ đại diện vốn của Công ty tại Công ty CP Cấp nước Long Khánh, Công ty CP Cấp nước Nhơn Trạch

- Giám sát tình hình sản xuất kinh doanh quý 3/2018

- Kiểm tra chuyên đề về cải tạo, sửa chữa tài sản cố định 9 tháng đầu năm 2018.

Tuy nhiên còn một số nội dung công việc chưa thực hiện theo kế hoạch đó là: kiểm tra công tác triển khai các dự án đầu tư năm 2018 và kiểm tra hoạt động 9 tháng đầu năm tại Chi nhánh quản lý ghi thu. Các thành viên Ban Kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm do đó việc sắp xếp tập trung thời gian cho các kỳ kiểm tra định kỳ còn hạn chế.

- Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp cho các nội dung:

+ Thông qua kết quả kiểm tra năm 2017.

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2018.

+ Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

+ Thông qua kết quả kiểm tra 6 tháng năm 2018.

Tổng hợp thù lao, tiền lương và các chi phí khác của Ban Kiểm soát trong năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

STT	TÊN	LƯƠNG	THƯỞNG (Quý thưởng Ban điều hành)	THÙ LAO	TỔNG CỘNG
1	Phạm Thị Hồng	593.646.216	59.200.000		652.846.216
2	Phan Thùy Đoan		25.000.000	57.000.000	82.000.000
3	Tăng Tố Vân		25.000.000	57.000.000	82.000.000
	TỔNG CỘNG	593.646.216	109.200.000	114.000.000	816.846.216

3. Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban kiểm soát:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát sẽ xây dựng kế hoạch chi tiết cụ thể dựa trên các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

+ Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc trong công tác quản lý.

+ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và cả năm.

+ Thực hiện giám sát tình hình hoạt động của các Công ty thành viên thông qua báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác theo quy định của Công ty.

+ Thực hiện các công việc khác khi có phát sinh.

4. KIẾN NGHỊ:

- Đối với Dự án cấp nước Nhơn Trạch 2 cần đôn đốc theo dõi các cơ quan có thẩm quyền và sớm ra quyết định về kế hoạch triển khai dự án trong tương lai.

- Đối với Dự án cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2 thực hiện dứt điểm việc thanh quyết toán, rút vốn vay đúng thời hạn và quyết toán vốn đầu tư theo quy định.

- Đối với công tác cải tạo, sửa chữa tài sản cố định thực hiện đầy đủ theo các quy định có liên quan, Ban kiểm soát đã kiến nghị nhiều lần tuy nhiên Công ty chưa thực hiện, điều này làm khó khăn cho việc phản ánh số liệu trên sổ sách kế toán, các nghiệp vụ phản ánh chưa đúng tính chất.

- Cần nâng cao hơn nữa vai trò của Hội đồng quản trị trong công tác lãnh đạo các hoạt động của Công ty trong thời gian tới. Hội đồng quản trị Công ty cần xem xét việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Giám đốc một cách phù hợp hơn với tình hình hoạt động của Công ty.

- Cần có các biện pháp ngắn hạn cũng như dài hạn để cơ cấu lại tình hình tài chính hiện tại.

- Thực hiện triệt để việc áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

- Cải cách công tác quản trị nhằm phát huy tối đa các nguồn lực hiện có của Công ty (quản trị tài chính, quản trị nguồn nhân lực,...) xây dựng các quy trình quản lý, quy trình hoạt động để nâng cao tính minh bạch và tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo về việc kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018, kế hoạch hoạt động năm 2019. Ban kiểm soát kính báo cáo Đại hội đồng cổ đông xem xét chỉ đạo thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: KS.



Số: 20 /TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận,
chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2018.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
 - Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai do Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam thực hiện.
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phương án phân phối lợi nhuận sau thuế, chia cổ tức, trích lập các quỹ và quy chế sử dụng các quỹ năm 2018 như sau:

I- Phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ năm 2018:

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Lợi nhuận SXKD sau thuế TNDN :	114.821.264.176	
2	Lợi nhuận do CLTG đã thực hiện trả nợ k/c sang	7.888.059.864	
3	Điều chỉnh giảm LN do CLTG năm 2017: 4.242.149.061, năm 2016: 2.050.068.630	6.393.442.343	
4	Tổng lợi nhuận được phân phối	116.315.881.697	
5	Trích lập các quỹ (25,6% lợi nhuận sau thuế)	29.769.945.425	
a	- Quỹ đầu tư phát triển (15%)	17.447.382.255	
b	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10%)	11.631.588.170	
	Trong đó: + Quỹ khen thưởng (5%)	5.815.794.085	
	+ Quỹ phúc lợi (4%)	4.652.635.268	
	+ Quỹ công tác XH cộng đồng (1%)	1.163.158.817	
c	- Quỹ thưởng Ban điều hành	690.975.000	
6	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL (*)	8 %	
	Số tiền chia cổ tức (bằng tiền mặt)	80.000.000.000	
7	Lợi nhuận năm 2018 còn lại	6.545.936.272	
8	Lợi nhuận còn lại năm 2017 chuyển sang	1.002.475.667	
9	Tổng lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2019	7.548.411.939	

(*) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 theo đúng quy định pháp luật.

II- Quy chế sử dụng các quỹ sau khi trích lập :

1- Quỹ đầu tư phát triển :

Được dùng để :

- Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh Công ty;
- Đầu tư xây dựng vào các dự án của Công ty;
- Bổ sung vốn kinh doanh Công ty.

2- Quỹ khen thưởng :

Được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.
- Thưởng đột xuất cho các cá nhân, tập thể trong Công ty.
- Thưởng cho những cá nhân, đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

3- Quỹ phúc lợi:

Được dùng để:

- Đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi; chi phúc lợi cho CB.CNV và các hoạt động phúc lợi của người lao động, bao gồm cả người quản lý Công ty.
- Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung của Công ty, trong nội bộ ngành cấp nước, hoặc theo chủ trương của cấp trên.
- Ngoài ra còn được sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động, kể cả trường hợp về hưu, mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

4- Quỹ thưởng người quản lý:

- Thưởng cho người quản lý Công ty.

5- Quỹ khen thưởng và phúc lợi, khi sử dụng phải phù hợp với quy định của Hội đồng quản trị và Công đoàn cơ sở Công ty. Công ty không được phép chi quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi khi chưa thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả.

6- Lợi nhuận còn lại, chuyển sang năm sau: Dự phòng lợi nhuận cho năm sau hoặc tích lũy để cân đối tỷ lệ cổ tức các năm sau.

Trên đây là phương án phân phối sử dụng lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ và quy chế sử dụng các quỹ. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Vũ Văn Học

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai năm 2019 như sau:

I. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT KINH DOANH:

1) Vị thế của Công ty trong ngành cấp nước sạch.

Công ty hiện đang quản lý phần lớn hệ thống xử lý và mạng lưới cấp nước trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, là doanh nghiệp có công suất cấp nước lớn so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề, đồng thời cũng là đơn vị cấp tỉnh có nhiều dự án được các nhà tài trợ vốn ODA quan tâm.

2) Triển vọng của ngành cấp nước sạch trên địa bàn Đồng Nai

- Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của các tỉnh phía Nam, việc kêu gọi đầu tư nước ngoài rất cần thiết, vì vậy việc xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó có hệ thống cấp nước phải được đặt lên hàng đầu.

- Tỉnh Đồng Nai hiện có 32 khu công nghiệp, khu công nghệ đang hoạt động, dân cư sống tập trung trên địa bàn thành phố Biên Hòa, trung tâm các huyện, thị xã, ven các trục lộ giao thông, tốc độ đô thị hóa tăng nhanh dẫn đến nhu cầu sử dụng nước để sản xuất và sử dụng hằng năm đều gia tăng tương ứng. Đặc biệt trong thời gian tới, các dự án đầu tư lớn như Sân bay Long Thành, các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kết nối giao thông tại các huyện Long Thành, Thống Nhất, Nhơn Trạch, Thị xã Long Khánh ... đã và đang được triển khai là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp ngành nước mở rộng mạng lưới, phát triển khách hàng, tăng doanh thu.

- Năm 2018, Công ty đã hoàn thành và đưa vào sử dụng HTCN Thiện Tân - giai đoạn 2, Dự án này cùng với các dự án HTCN Thiện Tân - giai đoạn 1, Nhơn Trạch - giai đoạn 1, kết hợp với việc thực hiện các giải pháp tăng công suất tại các nhà máy hiện hữu đã góp phần cho Công ty chủ động đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của khách hàng.

- Trong những năm qua, yếu tố cạnh tranh về địa bàn cấp nước và những khó khăn

trong công tác đầu tư các dự án cấp nước đã có tác động đến thị phần của Công ty, tuy nhiên vị thế của ngành cấp nước trong tỉnh nói chung và của Công ty nói riêng vẫn luôn được khẳng định và có triển vọng phát triển ổn định, bền vững.

3) Sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty

Để đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước ngày càng tăng của các trung tâm thị trấn, thị tứ, các huyện, thị xã, thành phố Biên Hòa và các khu công nghiệp tập trung trên địa bàn toàn tỉnh Đồng Nai, DOWACO đã xây dựng kế hoạch đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để tăng sản lượng nước, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của TP. Biên Hòa và trung tâm các thị xã, huyện của tỉnh. Định hướng phát triển của Công ty như trên là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch cấp nước của tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với tốc độ đô thị hóa và triển vọng phát triển của ngành trong thời gian tới.

II. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019:

Stt	Các chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch Năm 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	920.000
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	165.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	134.000
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn	%	12,83
5	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	50.000
6	Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	80.000
7	Cổ tức	%	8 % (Nếu loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU:

1) Giải pháp về triển khai thực hiện các dự án

Với mục tiêu phát triển dự án để phát huy tối đa công suất của các nhà máy hiện hữu, tăng doanh thu, mang lại hiệu quả kinh tế cho doanh nghiệp nhưng cũng cần phù hợp với định hướng phát triển, phù hợp với quy hoạch. Hội đồng quản trị Công ty đề ra các giải pháp như sau:

- Tập trung cho công tác khảo sát, lập dự án, tính toán, so sánh kinh tế kỹ thuật để xác định rõ hiệu quả đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với nhà thầu và đơn vị thi công thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng công trình, tập trung giải quyết các khó khăn đã gặp phải như công tác đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các nguồn vốn đầu tư.

- Lập kế hoạch và thực hiện các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của các nhà máy.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát trong hoạt động đầu tư,

xây dựng, đấu thầu, quản lý chi phí dự án.

- Thường xuyên cập nhật tình hình phát triển kinh tế xã hội tại các địa phương trong tỉnh để có các giải pháp chuẩn bị đầu tư các dự án để chiếm lĩnh thị phần.

2) Giải pháp về điều hành quản lý sản xuất

Hội đồng quản trị Công ty đề ra các giải pháp điều hành, quản lý sản xuất như sau:

- Quản lý vận hành tốt các nhà máy: duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; quản lý nguồn nguyên liệu đầu vào.

- Tăng cường công tác nâng công suất các nhà máy nước trên cơ sở thực hiện các giải pháp kỹ thuật về hệ thống bơm, hệ thống xử lý, hệ thống đường ống cấp nước.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trực thuộc Công ty trong việc nhận bàn giao, đấu nối và điều phối, nâng cao sản lượng cấp nước sạch từ các công trình cấp nước.

- Thực hiện tốt các quy định về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

- Quản lý chất lượng nước đạt tiêu chuẩn của Bộ Y tế.

- Tiếp tục triển khai áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước, quản lý sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để hạ tỷ lệ thất thoát nước:

+ Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý khách hàng, đầu tư và trong công tác quản lý thủy lực, quản lý mạng.

+ Tiếp tục thay thế, cải tạo đường ống cấp nước sắt tráng kẽm bằng ống HDPE;

+ Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước từ khâu lựa chọn nhà cung cấp uy tín, kiểm định chất lượng đầu vào, thi công lắp đặt cho khách hàng đến việc quản lý định kỳ, kiểm tra, sửa chữa, thay thế đồng hồ đồng hồ cũ, hư hỏng, hết hạn sử dụng ...; thay thế các đồng hồ cơ bằng đồng hồ điện từ đối với khách hàng sử dụng lớn; tiếp tục thực hiện phân vùng, tách mạng trên địa bàn thành phố Biên Hòa.

+ Tiếp tục tăng cường công tác trực 24/24 giờ, đảm bảo phát hiện và sửa chữa nhanh chóng, kịp thời các sự cố ống bể.

3) Giải pháp về quản lý khách hàng và cải tiến thủ tục hành chính

- Tiếp tục cải tiến thủ tục hành chính, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng; tiếp thu ghi nhận những kiến nghị của khách hàng để đánh giá đúng mức chất lượng dịch vụ của Công ty; thường xuyên kiểm tra hoạt động của các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng.

- Tiếp tục cải tiến công tác ghi thu tiền nước, giảm tỷ lệ tồn thu xuống mức thấp nhất. Thực hiện, điều chỉnh nhằm hoàn thiện phần mềm Hóa đơn điện tử, thu tiền nước qua các hệ thống Ngân hàng và các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

4) Giải pháp về tiết kiệm chi phí điện năng

Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản xuất nước, do vậy việc thực hiện các giải pháp tiết kiệm luôn được Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên quan

tâm. Năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty đề ra những giải pháp để tiết kiệm chi phí điện năng như sau:

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm điện thông qua việc tuyên truyền, phổ biến các giải pháp kỹ thuật, các sáng kiến của người lao động đã áp dụng có hiệu quả trong năm 2018.

- Tiếp tục thực hiện thường xuyên công tác bảo dưỡng máy móc thiết bị sử dụng điện năng; kiểm tra, thay thế các máy bơm và các thiết bị điện trong nhà máy có công suất tiêu thụ điện và hao hụt điện năng lớn bằng máy bơm hao tổn ít điện năng nhằm giảm chi phí tiền điện.

- Thường xuyên theo dõi, kịp thời điều chỉnh thông số của biến tần theo áp lực mạng lưới từng thời điểm để giảm điện năng tiêu thụ, đồng thời vẫn đảm bảo áp lực cấp cho khách hàng.

- Lắp đặt thay thế các hệ thống van thông minh để điều hòa áp lực, đồng thời điều chỉnh giờ bơm hợp lý nhằm tiết kiệm điện năng và an toàn thiết bị.

- Tiếp tục duy trì phong trào tiết kiệm điện tại các bộ phận văn phòng, có chế độ khen thưởng hợp lý để động viên người lao động thực hiện tốt các giải pháp tiết kiệm điện năng.

5) Giải pháp về tài chính

Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện quản lý, điều hành, giám sát, thực hiện các giải pháp về tài chính để bảo toàn, phát triển nguồn vốn được chủ sở hữu giao và các cổ đông, nhà đầu tư đóng góp thông qua các giải pháp như sau:

- Quản lý chặt chẽ về nguồn vốn, chi phí, tài sản, công cụ, hàng hoá, nguyên vật liệu. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, điều chỉnh các quy định về tài chính liên quan đến khoán chi phí tiêu hao điện năng, hóa chất, chi phí duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị, chi phí tiền lương để nâng cao vai trò chủ động cho các đơn vị sản xuất trực thuộc, nâng cao năng suất lao động, tăng thu nhập cho người lao động.

- Cân đối, sử dụng vốn đầu tư hiệu quả để thực hiện các dự án đầu tư mở rộng, cải tạo nâng công suất các nhà máy nước, mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư thiết bị để gia tăng sản lượng nước, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch của TP.Biên Hòa và trung tâm các thị xã, huyện trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường hiệu quả sử dụng vốn bằng các biện pháp như: đầu tư từng giai đoạn theo nhu cầu thị trường, lấy nguồn thu từ khâu hao, lợi nhuận để đầu tư phát triển, tối đa hóa công suất các công trình đầu tư.

- Kiểm soát dòng tiền, đề ra các giải pháp quản trị, sử dụng các công cụ tài chính để kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tiết kiệm chi phí quản lý, tăng doanh thu để mang lại lợi nhuận cho Công ty.

- Có kế hoạch cân đối doanh thu để kịp thời trả đúng hạn các khoản vay từ các dự án đã đầu tư.

- Chuẩn bị các phương án về giá nước trước sự biến động của thị trường để kịp thời đề xuất điều chỉnh.

6) Giải pháp về nguồn nhân lực

Để đáp ứng nhu cầu phát triển ngành nước, Hội đồng Công ty đề ra các giải pháp để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như sau:

- Đánh giá năng lực cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý và nhân viên để tiếp tục củng cố, kiện toàn bộ máy quản lý điều hành theo hướng gọn nhẹ nhằm đảm bảo có đội ngũ cán bộ lãnh đạo, kỹ sư và chuyên viên giỏi để có đủ năng lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn Công ty đạt hiệu quả cao.

- Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty thực hiện công tác điều động, luân chuyển người lao động, cán bộ quản lý để phù hợp với trình độ và tạo điều kiện phát huy hết năng lực cá nhân.

- Thực hiện công tác đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động và cán bộ quản lý. Công tác đào tạo được thực hiện theo kế hoạch thường xuyên hàng năm. Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ cán bộ công nhân viên có chuyên môn giỏi, có kinh nghiệm... đào tạo chuyên sâu trong các lĩnh vực quản trị, công nghệ, quản lý mạng lưới nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực có đầy đủ tri thức tiếp cận các thành tựu khoa học kỹ thuật trong cách mạng công nghiệp 4.0.

- Xây dựng chế độ khen thưởng, đãi ngộ phù hợp cho các cán bộ, công nhân viên, tạo cơ chế linh hoạt làm động lực cho CB.CNV rèn luyện phấn đấu vươn lên để trở thành những cán bộ chủ chốt của Công ty.

- Tiếp tục thực hiện các quy định về lao động tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chính sách, chế độ quy định khác theo luật định.

7) Giải pháp về công nghệ

Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp về công nghệ, việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong mọi mặt hoạt động của Công ty. Trong năm 2019, Công ty sẽ tập trung thực hiện các giải pháp về công nghệ như sau:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn với cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa các thủ tục; cải tiến các quy trình giải quyết công việc; quản lý nhân sự, quản lý dự án, quản lý kế hoạch kỹ thuật, quản lý sản xuất, quản lý tài chính... nhằm giám sát và giải quyết công việc kịp thời.

- Cập nhật, sơ đồ hóa mạng lưới theo các tiêu chuẩn chuyên ngành. Thực hiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác lưu trữ; tiếp tục thực hiện các phần mềm ứng dụng trong công tác quản lý khách hàng, quản lý ghi thu.

- Bố trí, kiện toàn, nâng cấp các bộ phận kỹ thuật nghiệp vụ, công nghệ thông tin của Công ty theo hướng chuyên sâu, có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và người điều hành, đồng thời cung cấp các giải pháp về công nghệ để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông xem xét để thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân



TỜ TRÌNH

V/v quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động thương binh và xã hội V/v hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-ĐHĐCĐ2018-HĐQT ngày 19/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018;
- Căn cứ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

1/ Tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018:

- Tiền lương Chủ tịch Hội đồng quản trị: 1.052.043.161 đồng
- Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: 593.646.216 đồng
- Thù lao của HĐQT, BKS không chuyên trách: 654.000.000 đồng
- Tiền thưởng Ban quản lý điều hành: 651.400.000 đồng

2/ Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019:

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Mức tiền lương, thù lao (đồng/người/tháng)
1	Tiền lương của Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát		
a	Chủ tịch HĐQT	1	70.400.000
b	Trưởng Ban kiểm soát	1	44.000.000
2	Thù lao của thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát		
a	Thành viên HĐQT	6	8.000.000
b	Thành viên Ban kiểm soát	2	5.000.000

(Tiền lương quyết toán sẽ được thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động thương binh và xã hội và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc quyết toán số tiền chi trả tiền lương, thù lao và quyền lợi khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và kế hoạch năm 2019./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT An



Vũ Văn Học

Số: 02 /TTr-BKS

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua danh sách các công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC

Các Công ty kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các công ty niêm yết theo qui định của cơ quan có thẩm quyền.

Đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty quyết định lựa chọn 01 công ty trong số các công ty theo danh sách trên để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân



Phạm Thị Hồng

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 95	Về việc thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty
	Ngày: 19/3/19	Cô phần Phát triển KCN tại Công ty Cổ phần Cấp nước ĐN
	Chuyển:	
	Lưu HS số:	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KCN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16/4/2018;

Căn cứ Quy chế quản lý và đánh giá người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sonadezi ban hành kèm theo Quyết định số 267/QĐ-SNZ-QTTH ngày 09/8/2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty CP Phát triển KCN;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-PTKCN-QTTH ngày 01/3/2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 20/BBH-SNZ-QTTH ngày 04/3/2019;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thôi cử làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp tại Công ty CP Cấp nước ĐN đối với các cán bộ sau:

- Ông Vũ Văn Học, Chủ tịch HĐQT Công ty;
- Ông Phan Hùng, Thành viên HĐQT – Giám đốc Công ty;
- Ông Lê Duy Diệp, Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty;
- Ông Nguyễn Xuân Thịnh, Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty;
- Bà Phan Thùy Đoàn, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty

Điều 2. Chấm dứt Hợp đồng ủy quyền đại diện phần vốn góp số 01/2016-HĐUQ-SNZ, số 02/2016-HĐUQ-SNZ, số 04/2016-HĐUQ-SNZ, số 05/2016-HĐUQ-SNZ và số 07/2016-HĐUQ-SNZ ngày 01/11/2016. Các cán bộ có tên tại Điều 1 có trách nhiệm bàn giao công việc của Người đại diện phần vốn tại đơn vị cho Trưởng Nhóm Người đại diện phần vốn mới của Tổng Công ty tại Công ty CP Cấp nước Đồng Nai.

Điều 3. Cử các cán bộ có tên sau đây làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Phát triển Khu công nghiệp tại Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai:

1. Bà Phạm Thị Hồng, Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ 25% vốn điều lệ của Công ty CP Cấp nước ĐN. Đề cử tham gia Hội đồng Quản trị Công ty CP Cấp nước ĐN.

Giới thiệu Bà Phạm Thị Hồng để Hội đồng Quản trị Công ty xem xét, bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Công ty CP Cấp nước Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Văn Bình, Người đại diện phần vốn của Sonadezi – Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý phần vốn góp của Tổng Công ty chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ của Công ty CP Cấp nước ĐN.

3. Ông Nguyễn Cao Hà, Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ Công ty, làm Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm quản lý phần vốn chiếm 10% vốn điều lệ của Công ty CP Cấp nước ĐN. Đề cử tham gia Hội đồng Quản trị Công ty CP Cấp nước ĐN.

4. Ông Nguyễn Công Hiếu, Nhân viên Ban Kế toán Tổng Công ty, làm Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm quản lý phần vốn chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty CP Cấp nước ĐN. Đề cử tham gia ứng cử chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Cấp nước ĐN.

5. Ông Nguyễn An Quốc, Nhân viên Ban Kiểm toán Nội bộ Tổng Công ty, làm Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty và chịu trách nhiệm quản lý phần vốn chiếm 3,99% vốn điều lệ của Công ty CP Cấp nước ĐN. Đề cử tham gia Ban Kiểm soát Công ty CP Cấp nước ĐN.

Điều 4. Giao nhiệm vụ cho Bà Phạm Thị Hồng làm Trưởng nhóm, phụ trách chung và chịu trách nhiệm phối hợp với những người đại diện phần vốn của Tổng Công ty CP Phát triển KCN tại Công ty CP Cấp nước ĐN để thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

Điều 5. Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp tại Công ty CP Cấp nước Đồng Nai có trách nhiệm tuân thủ các chủ trương, chỉ đạo của Tổng Công ty và thực hiện vai trò, trách nhiệm, nghĩa vụ của người đại diện trong nhiệm kỳ được cử làm đại diện.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 371/QĐ-PTKCN-NS ngày 30/12/2014, Quyết định số 135/QĐ-PTKCN-NS ngày 31/03/2016 và Quyết định số 92/QĐ-SNZ-NS ngày 03/04/2017.

Điều 7. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN và các ông (bà) có tên ở Điều 1, 3 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Đảng ủy TCTy (b/c);
- Ban KS;
- Ban QTTH, Ban KTNB;
- Lưu: VT, NS.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đỗ Thị Thu Hằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi tên: **VŨ VĂN HỌC** sinh ngày: 10/07/1959

Số CMND/CCCD: 036059004155, cấp ngày: 22/8/2018, tại: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Đơn vị công tác: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nay tôi làm đơn này kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chấp thuận cho tôi được từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Với lý do: Theo Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi về việc thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi xin chân thành cảm ơn

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Kính đơn



Vũ Văn Học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi tên: PHAN HÙNG sinh ngày: 27/6/1959

Số CMND/CCCD: 271854099, cấp ngày: 23/10/2003, tại: Đồng Nai.

Đơn vị công tác: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Chức vụ hiện tại: thành viên Hội đồng quản trị

Nay tôi làm đơn này kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chấp thuận cho tôi được từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Với lý do: Theo Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi về việc thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi xin chân thành cảm ơn

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Kính đơn



Phan Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi tên: **LÊ DUY DIỆP** sinh ngày: 09/5/1959

Số CMND/CCCD: 270793557, cấp ngày: 23/8/2007, tại: Đồng Nai.

Đơn vị công tác: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Chức vụ hiện tại: thành viên Hội đồng quản trị

Nay tôi làm đơn này kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chấp thuận cho tôi được từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Với lý do: Theo Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi về việc thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi xin chân thành cảm ơn

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Kính đơn



Lê Duy Diệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi tên: NGUYỄN XUÂN THỈNH sinh ngày: 02/9/1959

Số CMND/CCCD: 271144072, cấp ngày: 07/9/2007, tại: Đồng Nai.

Đơn vị công tác: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Chức vụ hiện tại: thành viên Hội đồng quản trị

Nay tôi làm đơn này kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chấp thuận cho tôi được từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Với lý do: Theo Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi về việc thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi xin chân thành cảm ơn

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Kính đơn



Nguyễn Xuân Thỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi tên: **PHẠM THỊ HỒNG** sinh ngày: 30/6/1979

Số CMND/CCCD: 272534744, cấp ngày: 19/6/2012, tại: Đồng Nai.

Đơn vị công tác: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát

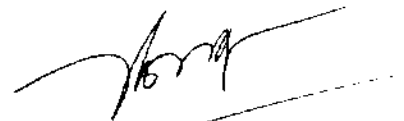
Nay tôi làm đơn này kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chấp thuận cho tôi được từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát và chức vụ Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Với lý do: Theo Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi về việc thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi xin chân thành cảm ơn

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Kính đơn



Phạm Thị Hồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN XIN TỪ NHIỆM
BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai;
- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi tên: PHAN THÙY ĐOAN sinh ngày: 22/12/1981

Số CMND/CCCD: 271389431, cấp ngày: 18/6/2008, tại: Đồng Nai.

Đơn vị công tác: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

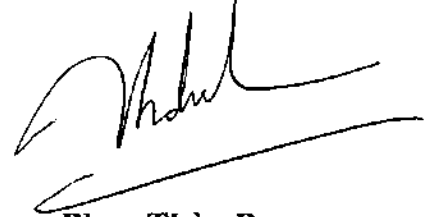
Nay tôi làm đơn này kính gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai chấp thuận cho tôi được từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Với lý do: Theo Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi về việc thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Tôi xin chân thành cảm ơn

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

Kính đơn



Phan Thùy Đoan

Số: 23 /TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung
thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi v/v thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét, thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, như sau:

I/ Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của ông (bà) có tên sau:

1. Ông: Vũ Văn Học
2. Ông: Phan Hùng
3. Ông: Lê Duy Diệp
4. Ông: Nguyễn Xuân Thịnh

+ Lý do miễn nhiệm: Không còn là người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sonadezi.

II/ Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của ông (bà) có tên sau:

1. Ông: Vũ Văn Học (Đính kèm SYLL)
2. Ông: Nguyễn Cao Hà (Đính kèm SYLL)
3. Bà: Phạm Thị Hồng (Đính kèm SYLL)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

(Dành cho cổ đông cá nhân hoặc tổ chức)

Kính gửi: Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai

Tên tổ chức/cá nhân: TÔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP (SONADEZI).

CMND/ĐKKD số: 3600335363, Ngày cấp: 01/02/2016, Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Hiện đang sở hữu/đại diện: 63.989.100 cổ phần *(Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu chín trăm tám mươi chín ngàn một trăm cổ phần)*

Tương ứng với tổng mệnh giá: 639.891.000.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm ba chín tỷ tám trăm chín mươi một triệu đồng)*.

Đề nghị Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai cho Tổng Công ty Sonadezi được đề cử 03 người có tên sau:

1/ Ông: Vũ Văn Học

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 036059004155, ngày cấp: 22/8/2018, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

- Địa chỉ thường trú: 23 Chiến thắng, P.9, Q. Phú Nhuận, Tp.HCM.

- Trình độ học vấn: 10/10 - Chuyên ngành: Kỹ sư Đô thị - Ngành Cấp thoát nước.

- Hiện đang sở hữu: 4.900 cổ phần.

- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 49.000.000 đồng.

2/ Bà: Phạm Thị Hồng

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 272534744, ngày cấp: 19/06/2012, nơi cấp: Công an Đồng Nai.

- Địa chỉ thường trú: Số 302C6, Khu dân cư An Bình, phường An Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Trình độ học vấn: 12/12 - Chuyên ngành: Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán.

- Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần.

- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 0 đồng.

3/ Ông: Nguyễn Cao Hà

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 271040733, ngày cấp: 08/05/2008, nơi cấp: Công an Đồng Nai.

- Địa chỉ thường trú: 18L, Cư xá Phúc Hải, P Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Trình độ học vấn: 12/12 - Chuyên ngành: Cử nhân Kế toán tài chính; Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý.

- Hiện đang sở hữu: 10.600 cổ phần.

- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 106.000.000 đồng.

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai nhiệm kỳ 2015- 2020 được bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29/3/2019.

Trân trọng cảm ơn.

Đồng Nai, ngày 19... tháng ... năm 2019

TỔNG CÔNG TY SONADEZI



Phan Đình Thám

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1. Họ và tên : **VŨ VĂN HỌC** - Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh : 10/07/1959 - Nơi sinh: Nam Định
3. Quốc tịch : Việt Nam
4. Số CMND/CCCD : 036059004155, cấp ngày: 22/8/2018, tại: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 23 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
6. Chỗ ở hiện tại : Số 80/18 Đường 17, Khu phố 3, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.
7. Trình độ văn hoá : 10/10
8. Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Đô thị - Ngành Cấp thoát nước.
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
1978-1983	Đại học Kiến trúc Hà Nội	Kỹ sư đô thị Ngành cấp thoát nước		
1998	Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM	Anh văn		
2005-2007	Học viện Chính trị Khu vực II	Cao cấp chính trị		
2003	Đại học Kinh tế TP.HCM	Quản lý Kinh tế		
2006	Trường Kỹ thuật nghiệp vụ xây dựng Hà Nội	Nghiệp vụ Đấu thầu		
2007	Bộ Xây dựng	- Hành nghề Kỹ sư hoạt động xây dựng. - Hành nghề Giám sát thi công xây dựng (Loại công trình: Cấp - thoát nước). - Hành nghề hoạt động xây dựng: Thiết kế xây dựng công trình cấp, thoát nước.		

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
08/2010	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Phân tích Đầu tư chứng khoán.		
03/2011	Trường Đại học Kinh tế TP.HCM	Giám đốc điều hành (CEO)		

10. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ 11/1984 đến 07/1985	Công ty Xây dựng cấp thoát nước Số 2 - Bộ Xây dựng tại TP.HCM	Công nhân viên		
Từ 08/1985 đến 06/1987	Bộ đội thuộc Tiểu đoàn 23, Cục Hậu Cần, Quân khu 7.	Binh nhất		
Từ 07/1987 đến 04/1994	Công ty Xây dựng cấp thoát nước Số 2 - Bộ Xây dựng tại TP.HCM	Công nhân viên		
Từ 05/1994 đến 31/12/2014	Công ty TNHH một thành viên cấp nước Đồng Nai	Phó Giám đốc Công ty; Giám đốc Ban quản lý Thoát nước Đồng Nai; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty	Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh và cấp cơ sở trong nhiều năm.	
Từ 01/2015 đến nay	Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	Chủ tịch Hội đồng quản trị		

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.	Chủ tịch Hội đồng thành viên	Từ 01/04/2004 đến 31/12/2014.
Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Từ 01/01/2015 đến nay

12. Quan hệ thân nhân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Vũ Chí Công	1917	Xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đã mất	
Mẹ	Đoàn Thị Cây	1924	Xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đã mất	
Chị ruột	Vũ Thị Tin	1947	Xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đã nghỉ hưu	
Chị ruột	Vũ Thị Tâm	1952	Xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đã nghỉ hưu	
Anh ruột	Vũ Đăng Khoa	1958	Số 514, khu phố 4, P.Tân Phong, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Đã nghỉ hưu	
Em ruột	Vũ Văn Hà	1964	Số 20B, khu phố 5, P.Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Giám đốc CNCN Nhơn Trạch	Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
Em ruột	Vũ Hoài Nam	1968	B27, khu phố 5, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Trưởng phòng Quản lý hệ thống	Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.
Vợ	Nguyễn Thị Kim Oanh	1963	Số 23 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.	Đã nghỉ hưu	
Con	Vũ Nguyễn An	1987	Số 23 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.	Thạc sĩ Tài chính	Ngân hàng Mizuho Bank



Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
			Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.	Ngân hàng	Tp.HCM
Con	Vũ Kim Anh	1996	Số 23 Chiến Thắng, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.	Sinh viên Trường Đại học Sydney-Úc	

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

**Xác nhận của chính quyền
địa phương/nơi công tác**



Phan Hùng

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI KHAI

Vũ Văn Học

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1. Họ và tên : **NGUYỄN CAO HÀ** - Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh : 15/10/1971 - Nơi sinh: Quảng Bình
3. Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc: Kinh
4. Giấy CMND số : 271040733 - cấp ngày: 08/5/2008 - tại: Đồng Nai.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 18L, Cư xá Phúc Hải, P Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
6. Chỗ ở hiện tại : 18L, Cư xá Phúc Hải, P Tân Phong, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
7. Trình độ văn hoá : 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính; Thạc sỹ Kinh doanh và quản lý.
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
1990-1995	Trường Đại học kinh tế TP HCM	Kế toán		
2002	Học viện Ngân hàng TP HCM	Bồi dưỡng Kế toán trưởng doanh nghiệp Nhà nước		
1997-1999	Trường Đại học Nông lâm TP HCM	Tin học- quản lý hệ thống		
2008-2010	Trường Đại học kinh tế quốc dân	Quản lý Nhà nước về kinh tế		

10. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua	Khen thưởng	Kỷ luật
1988-1990	Xí nghiệp gạch ngói 3/2, Tân Vạn Biên Hoà, Đồng Nai	Công nhân		
1990-1995	Xí nghiệp gạch ngói 3/2, Tân Vạn Biên Hoà, Đồng Nai và đi học lớp Đại học tại chức do trường Đại học kinh tế TP HCM đào tạo chuyên ngành	Công nhân		

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua	Khen thưởng	Kỷ luật
	kế toán			
1995-1998	Xí nghiệp gạch ngói 3/2, Tân Vạn Biên Hoà, Đồng Nai	Quản đốc		
1998-2003	Quỹ tín dụng TƯ chi nhánh Đồng Nai	Kế toán trưởng		
2003-6/2007	Công ty cấp nước Đồng Nai, số 48 CMT8, P Quyết Thắng, Biên Hoà Đồng Nai	Nhân viên		
7/2007-7/2010	Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch, KCN Nhơn Trạch Đồng Nai; Đại diện vốn của Công ty cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch	Kế toán trưởng		
7/2010-10/2013	Công ty cấp nước Đồng Nai, số 48 CMT8, P Quyết Thắng, Biên Hoà Đồng Nai	Phó phòng Tài chính kế toán		
10/2013- nay	Công ty cấp nước Đồng Nai, số 48 CMT8, P Quyết Thắng, Biên Hoà Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ		
4/2015-4/2018	Trưởng nhóm Đại diện vốn của Công ty cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch và giữ chức chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch.	- Trưởng nhóm Đại diện vốn của Cty CP Cấp nước Đồng Nai - Chủ tịch HĐQT Cty CP Cấp nước Nhơn Trạch		
4/2018- Nay	Trưởng nhóm Đại diện vốn của Công ty cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần dịch vụ cấp nước Đồng Nai và giữ chức chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dịch vụ cấp nước Đồng Nai.	- Trưởng nhóm Đại diện vốn Cty CP Cấp nước Đồng Nai - Chủ tịch HĐQT Cty CP dịch vụ Cấp nước Đồng Nai		

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Ban Kiểm toán nội bộ, Công ty CP cấp nước Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	5 Năm
Công ty cổ phần dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai	Trưởng nhóm Đại diện vốn của Công ty CP cấp nước Đồng Nai tại Công ty CP DV & XDCN Đồng Nai và giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty CP DV & XDCN Đồng Nai.	5 Năm (2018 – 2023)

12. Quan hệ thân nhân:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Đơn vị công tác (nếu có)	Quan hệ
1	Nguyễn Cao Hiền	1937	Kế toán		KP3, thị trấn Ba đồn, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.	XN được phẩm cấp II, tỉnh Đồng Nai;	Cha
2	Võ Thị Hân	1938			Xã Quảng Thanh, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình;		Mẹ
3	Phạm Thị Kim Tươi	1982	Giáo viên		18L, Cư xá Phúc Hải, P. Tân Phong, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai.	Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai	Vợ
4	Nguyễn Thị Phương Thảo	2006	Học sinh		18L, Cư xá Phúc Hải, P. Tân Phong, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai.	Trường tiểu học	Con
5	Nguyễn Thị Phương Huyền	2008	Học sinh		18L, Cư xá Phúc Hải, P. Tân Phong, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai.	Trường tiểu học	Con
6	Nguyễn Thái Bình	1960	Làm rẫy		xã Ynan, Huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai		Anh ruột
7	Nguyễn Ngọc Thanh	1962	Tài xế		P Tân Vạn, Biên Hoà, Đồng Nai		Anh ruột
8	Nguyễn Thị Loan	1964	Làm rẫy		xã Ynan, Huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai		Chị ruột
9	Nguyễn Cao Hải	1968	Tài xế		Xã Quảng Thanh, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình.		Anh ruột
10	Nguyễn Cao Hưng	1972	Kỹ sư cầu đường		Thị trấn Ba Đồn, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình.	Công ty CIENCO4 Nghệ An	Em ruột

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Xác nhận của chính quyền địa phương/nơi công tác



Vũ Văn Học

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI KHAI

Nguyễn Cao Hà

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



- Họ và tên: Phạm Thị Hồng Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 30/6/1979 Nơi sinh: Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Giấy CMND số: 272534744 cấp ngày: 19/6/2012 tại CA Đồng Nai
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 302C6 Khu dân cư An Bình – Phường An Bình – TP Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai
- Chỗ ở hiện tại: A8 đường N9 Khu phố 7 – Phường Thống Nhất – TP Biên Hòa – Tỉnh Đồng Nai
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng năm đến tháng năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ
Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội	Kế toán DNSX	09/1997 – 06/2001	Chính quy	Cử nhân
Đại học Kinh tế quốc dân	Quản lý kinh tế	10/2008 – 06/2010	Chính quy	Thạc sĩ
Viện nghiên cứu kinh tế phát triển - Đại học Kinh tế TP HCM	Giám đốc điều hành	12/2007 – 06/2008	Bồi dưỡng	Chứng chỉ
Trường chính trị Tỉnh Đồng Nai	Lý luận chính trị	2012 -2013	Vừa học vừa làm	Trung cấp



10. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
9/2001 – 12/2004	Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	Kế toán	Không	Không
01/2005 - 05/2005	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	Kế toán	Không	Không
06/2005 – 06/2010	Công ty Phát triển KCN Biên Hòa	Thành viên Ban Kiểm soát	Không	Không
07/2010 – 04/2013	Tổng công ty Phát triển KCN	Kiểm soát viên	Không	Không
04/2013 – 10/2013	Tổng công ty Phát triển KCN	Kế toán	Không	Không
11/2013 – 09/2015	Tổng công ty Phát triển KCN	Phó phòng Kế toán	Không	Không
10/2015 – 01/2016	Tổng công ty Phát triển KCN	Trưởng Ban Kế toán	Không	Không
02/2016 – 4/2017	Tổng công ty CP Phát triển KCN	Kế toán trưởng	Không	Không
5/2017 – nay	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	Trưởng Ban Kiểm soát	Không	Không

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

Từ tháng năm đến tháng năm	Chức vụ	Đơn vị công tác
05/2017 đến nay	Trưởng Ban Kiểm soát	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai

12. Quan hệ thân thân:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố	Phạm Thành Vinh	1942	Trảng Bom – Đồng Nai	Nghỉ hưu	

02592
 NG T
 PH
 P NUC
 NG N
 A-T.

Mẹ	Phạm Thị Cam	1946	Trảng Bom – Đồng Nai	Nghỉ hưu	
Chị	Phạm Thị Sương Mai	1973	Long Bình Tân - Biên Hòa – Đồng Nai	Kế toán	
Anh	Phạm Thành Nam	1977	An Bình – Biên Hòa – Đồng Nai	Kỹ sư hóa vật liệu	
Chồng	Trần Thanh Ngoan	1978	An Bình – Biên Hòa – Đồng Nai	Kỹ sư điện	
Con	Trần Đình Bảo	2006	An Bình – Biên Hòa – Đồng Nai	Còn nhỏ	
Con	Trần Thị Hồng Nga	2011	An Bình – Biên Hòa – Đồng Nai	Còn nhỏ	

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019
 Xác nhận của chính quyền địa phương/
 nơi công tác



Vũ Văn Học

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

NGƯỜI KHAI

Phạm Thị Hồng



Số: 24 /TTr-HĐQT

Biên Hòa, ngày 19 tháng 3 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung
thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

- Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-SNZ-NS ngày 19/3/2019 của Tổng Công ty Sonadezi v/v thay đổi nhân sự làm người đại diện phần vốn của Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN tại Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 xem xét, thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai, như sau:

I/ Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát của ông (bà) có tên sau:

1. Bà: Phạm Thị Hồng - Lý do miễn nhiệm: đề cử tham gia thành viên Hội đồng quản trị.

2. Bà: Phan Thùy Đoan - Lý do miễn nhiệm: không còn là người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Sonadezi.

II/ Thông qua việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát của ông (bà) có tên sau:

- Ông: Nguyễn Công Hiếu (Đính kèm SYLL)

- Ông: Nguyễn An Quốc (Đính kèm SYLL)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Vũ Văn Học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐƠN ĐỀ CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

(Dành cho cổ đông cá nhân hoặc tổ chức)

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai

Tên tổ chức/cá nhân: TỔNG CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP (SONADEZI)

CMND/ĐKKD số: 3600335363, Ngày cấp: 01/02/2016, Nơi cấp: Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai

Địa chỉ: Số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, P.An Bình, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Hiện đang sở hữu/đại diện: 63.989.100 cổ phần *(Bằng chữ: Sáu mươi ba triệu chín trăm mười chín ngàn một trăm cổ phần)*

Tương ứng với tổng mệnh giá: 639.891.000.000 đồng *(Bằng chữ: Sáu trăm ba chín tỷ tám trăm chín mươi một triệu đồng)*

Đề nghị Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai cho Tổng Công ty Sonadezi được đề cử 02 người có tên sau:

1/ Ông: Nguyễn Công Hiếu

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 261231168, ngày cấp: 17/7/2007, nơi cấp: CA Bình Thuận

- Địa chỉ thường trú: Chung cư A1 Nguyễn Ái Quốc, Phường Quang Vinh, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Trình độ học vấn: 12/12 - Chuyên ngành: Cử nhân Kế toán.

- Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 0 đồng

2/ Ông: Nguyễn An Quốc

- CMND/CCCD/Hộ chiếu số: 272357452, ngày cấp: 17/9/2009, nơi cấp: CA Đồng Nai.

- Địa chỉ thường trú: 215/D2-KP1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Trình độ học vấn: 12/12 - Chuyên ngành: Kỹ sư Xây dựng.

- Hiện đang sở hữu: 0 cổ phần

- Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: 0 đồng

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai nhiệm kỳ 2015- 2020 được bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 ngày 29/3/2019.

Trân trọng cảm ơn.

Đồng Nai., ngày 1.9. tháng ... năm 2019

TỔNG CÔNG TY SONADEZI



Phan Đình Lâm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



- Họ và tên : Nguyễn Công Hiếu - Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 16/05/1990 - Nơi sinh: Bình Thuận
- Quốc tịch : Việt Nam - Dân tộc: Kinh
- Giấy CMND số : 261231168, ngày cấp: 17/07/2007, nơi cấp: Bình Thuận
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: KP 5, P.Phú Trinh, Tp.Phan Thiết, Bình Thuận.
- Chỗ ở hiện tại : Chung cư A1 Nguyễn Ái Quốc, P.Quang Vinh, Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán
- Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ tháng 9/1996-8/2000	Tiểu học Phú Thủy 2, Phan Thiết, Bình Thuận	Học sinh tiểu học		
Từ tháng 9/2000-8/2004	THCS Nguyễn Trãi, Phan Thiết, Bình Thuận	Học sinh THCS		
Từ tháng 9/2005-6/2008	THPT Phan Chu Trinh, Phan Thiết, Bình Thuận	Học sinh THPT		
Từ tháng 9/2008 – 6/2011	Cao đẳng Công nghệ và quản trị Sonadezi	Kế toán		
Từ tháng 11/2013 - 06/2015	Đại học Công nghệ Đồng Nai	Kế toán		
Từ 22/2 – 7/8/2016	Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM	Anh văn trình độ B		
Từ 25/6 – 8/7/2015	Công ty CP Giá Xây dựng	Bồi dưỡng Nghiệp vụ đấu thầu		
Từ 20 - 21/03/2015	Phòng TM và CN Việt Nam	Hướng dẫn chế độ Kế toán DN theo TT 200/2014/TT-BTC		
Từ 05 – 07/09/2013	Phòng TM và CN Việt Nam	Hướng dẫn lập và phân tích BCTC		

		hợp nhất theo quy chuẩn Kế toán VN		
--	--	------------------------------------	--	--

10. Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ tháng 12/2011 đến 30/6/2017	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi)	Nhân viên Kế toán		
Từ 01/7/2017 đến 31/07/2017	Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Nhân viên Kế toán		
Từ 01/08/2017 đến nay	Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp (Sonadezi)	Nhân viên Kế toán		

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Nhân viên Kế toán	01/08/2017
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Thành viên Ban Kiểm soát	19/04/2018

12. Danh sách người có liên quan của người khai *:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Đơn vị công tác (nếu có)	Quan hệ
1	Nguyễn Thành Lân	1933	Hưu trí	023666146 cấp ngày 28/03/2008 tại Tp.HCM	543 Nguyễn Oanh, P17, Q.Gò Vấp, Tp.HCM		Cha đẻ

* Người có liên quan theo quy định tại Điểm đ Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014 ngày 26/11/2014

2	Nguyễn Thị Na	1949	Hưu trí	260008631 cấp ngày 13/04/2004 tại Bình Thuận	KP 5, P.Phú Trinh, Tp.Phan Thiết, Bình Thuận		Mẹ đẻ
3	Nguyễn Thành Chung	1988	Kế toán	261179057 cấp ngày 19/5/2011 tại Bình Thuận	12/4 tổ 18, KP3, P.Bừu Long, Biên Hòa , Đồng Nai	Công ty CP Hoa Nước	Chị ruột

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Đồng Nai, ngày 19. tháng 03 năm 2019

**Xác nhận của chính quyền
địa phương/ nơi công tác**



Phan Đình Lâm

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2019

Người khai

Nguyễn Công Hiếu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH



1. Họ và tên: Nguyễn An Quốc - Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh :01/05/1974 - Nơi sinh: Nghệ An
3. Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh
4. Giấy CMND số:272357452, ngày cấp:17/09/2009, nơi cấp: Đồng Nai
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:215/D2-KP1, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
6. Chỗ ở hiện tại : 215/D2-KP1, An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
7. Trình độ văn hoá : 12/12
8. Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:



Thời gian	Trường đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
1981-1984	Trường cấp 1 Khai Sơn Anh Sơn – Nghệ An	Học sinh		
1985-1987	Trường Năng Khiếu Anh Sơn – Anh Sơn	Học sinh		
1988-1990	Trường PTTH Anh Sơn – Nghệ An	Học sinh		
1990-1995	Đại học Xây Dựng Hà Nội	Kỹ Sư XD		

10. Quá trình làm việc

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua	Khen thưởng	Kỷ luật
1995-1997	Công ty XD và PTNT – Bộ NN và PTNT – Tp Hà Nội	Kỹ thuật công trình		
1998-1999	Công ty Trường An – Ban Tài Chính và Quản trị Trung Ương – Tp Hà Nội	Kỹ thuật công trình		
2000-2003	Công ty XD Công trình Giao Thông 501-Cienco 5 – Tp Đà Nẵng	Đội trưởng thi công		
2004-2005	Công ty Vinaconex 10 – Tp Đà Nẵng	Đội trưởng thi công		
2005-2006	Công ty XD Lũng Lô – Bộ Quốc Phòng - Chi nhánh miền Nam	Cán bộ Kế hoạch		
2006-2007	Công ty Cp Xây dựng	Cán bộ kỹ thuật		

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ đã trải qua	Khen thưởng	Kỷ luật
	Sonadezi (Sonacons) – Tp Biên Hòa- Đồng Nai	Đội		
2007-Nay	Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	Cán bộ dự án		

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm:

Nơi làm việc	Chức vụ	Thời gian đảm nhiệm
Tổng Công ty Phát triển Khu Công Nghiệp	Nhân viên Ban Kiểm Toán nội bộ	Từ ngày 01/02/2019

12. Danh sách người có liên quan của người khai *:

Stt	Họ tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ thường trú	Đơn vị công tác (nếu có)	Quan hệ
	Nguyễn Văn Tiêu	1942	Cán bộ hưu trí	Số CMND: 181362379 Ngày cấp: 11/11/2014 Nơi cấp: CA tỉnh Nghệ An	Anh Sơn – Nghệ An		Cha
	Trần Thị Bằng	1950	Cán bộ hưu trí	Số CMND: 181432349 Ngày cấp: 14/07/2009 Nơi cấp: CA tỉnh Nghệ An	Anh Sơn – Nghệ An		Mẹ
	Đỗ Thị Diệu Uyên	1976	Kế toán	Số CMND: 201243007 Ngày cấp: 01/06/2010 Nơi cấp: CA Tp Đà Nẵng	Biên Hòa – Đồng Nai		Vợ
	Nguyễn Thanh Toàn	1976	Kỹ sư Xây Dựng	Số CMND: 013004974 Ngày cấp: 02/10/2007 Nơi cấp: CA Tp Hà Nội	Tp Hà Nội		Em trai
	Nguyễn Thị Thủy	1979	Luật Sư	Số CMND: 013004973 Ngày cấp: 02/10/2007 Nơi cấp: CA Tp Hà Nội	Tp Hà Nội		Em dâu

* Người có liên quan theo quy định tại Điểm đ Khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp 2014 ngày 26/11/2014

Nga						
Nguyễn Thị Thanh Thịnh	1981	Giáo viên	Số CMND: 272546470 Ngày cấp: 09/08/2012 Nơi cấp: CA tỉnh Đồng Nai	Tp Biên Hòa		Em gái
Phan Đức Nhẫn	1981	Công nhân	Số CMND: 272717454 Ngày cấp: 14/10/2014 Nơi cấp: CA tỉnh Đồng Nai	Tp Biên Hòa		Em rể
Nguyễn Văn Thành	1984	Kỹ sư Tự Động hóa	Số CMND: 186152564 Ngày cấp: 25/04/2003 Nơi cấp: CA tỉnh Nghệ An	Tp Hà Nội		Em trai
Nguyễn Thị Thu Thủy		Kế toán	Số CMND: 013659551 Ngày cấp: 21/9/2013 Nơi cấp: CA Tp Hà Nội	Tp Hà Nội		Em dâu
Nguyễn Đỗ Hạ Nhiên		Học sinh		Tp Biên Hòa		Con
Nguyễn Quốc Hưng		Học sinh		Tp Biên Hòa		Con

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày 19.. tháng 3.. năm 2019

Xác nhận của chính quyền địa phương/ nơi công tác



Phan Đình Lâm

Đồng Nai, ngày 18 tháng 03 năm 2019
Người khai

Nguyễn An Đức

Biên Hòa, ngày 26 tháng 3 năm 2019

QUY CHẾ
ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2015 – 2020

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai.

Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (DNW) như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : cổ đông, người đại diện (người nhận ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại Đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT

1. Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung : 03 người
2. Nhiệm kỳ : 2015 - 2020
3. Số lượng ứng viên HĐQT tối đa : theo Điều lệ Công ty
4. Danh sách số lượng ứng viên đề cử, ứng cử phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
5. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: (theo Điều lệ Công ty và Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13)
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên

1. Số lượng thành viên của BKS bầu bổ sung : 02 người

2. Nhiệm kỳ : 2015 - 2020

3. Số lượng ứng viên BKS tối đa : theo Điều lệ Công ty

4. Danh sách số lượng ứng viên đề cử, ứng cử phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.

5. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát: *(theo Điều lệ Công ty và Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13)*

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

V. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ban bầu cử và kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

VI. Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị *(Theo Điều 25 Điều lệ Công ty)*

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền đề cử một (01) ứng cử viên đề bầu vào Hội đồng quản trị; nắm giữ từ 20% đến dưới 30% được quyền đề cử tối đa hai (02) ứng viên; nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được quyền đề cử tối đa ba (03) ứng viên; nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được quyền đề cử tối đa (04) ứng viên; nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được quyền đề cử tối đa năm (05) ứng viên; nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được quyền đề cử tối đa sáu (06) ứng viên và nắm giữ từ 70% trở lên được quyền đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử

ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

VII. Quy định đề cử thành viên Ban kiểm soát (Theo Điều 36 Điều lệ Công ty)

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào HĐQT và BKS

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT và BKS (Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: <https://dowaco.vn/>)

- Đơn xin đề cử vào HĐQT và BKS (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu);
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú (nếu có);
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định (theo mẫu);
- Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Hồ sơ đề cử, ứng cử phải gửi đến trụ sở của Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, quá thời hạn trên hồ sơ không có giá trị.

Hồ sơ gửi về DOWACO theo địa chỉ sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI	
Địa chỉ: Số 48 - Đường Cách Mạng Tháng 8 - phường Quyết Thắng - Tp. Biên Hòa - tỉnh Đồng Nai	
Điện thoại: (0251) 3843316	Fax: (0251) 3847149
Liên hệ: Ông Nguyễn Cao Hà	Điện thoại: 0909 392 267
Ông Trịnh Bảo Ân	Điện thoại: 0985 767 096

IX. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện qui định để bầu HĐQT và BKS.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

X. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (Theo Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp).

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu bổ sung vào HĐQT và BKS.

- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

XI. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu của Công ty.

- Mỗi đại biểu sẽ được phát hai (02) Phiếu bầu:

▪ Một (01) “**Phiếu bầu bổ sung TV HĐQT**” màu xanh dương để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020.

▪ Một (01) “**Phiếu bầu bổ sung TV BKS**” màu hồng để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử (đính kèm Phụ lục Hướng dẫn ghi phiếu bầu)

- Mỗi đại biểu được phát hai (02) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

+ Mỗi cổ đông có Tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị hoặc nhân với số thành viên được bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát.

+ Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên Phiếu bầu cử.

+ Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng đảm bảo: tổng số phiếu bầu cho các ứng cử theo phương thức bầu dồn phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có đóng dấu của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu.

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.

+ Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì.

+ Gạch tên các ứng cử viên.

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.

+ Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, cổ đông có thể liên hệ với Ban bầu cử và kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban bầu cử và kiểm phiếu giám sát.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Ban bầu cử và kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.

5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên (Theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp)

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

XII. Hiệu lực thi hành

- Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai kết thúc.

Trên đây là toàn bộ Quy chế đề cử, ứng cử, bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty;
- Lưu VT-HĐQT.

VT Ân



PHỤ LỤC
HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU BẦU HĐQT, BKS
(Theo phương thức bầu dồn phiếu)

1. Loại phiếu bầu cử:

- Phiếu màu xanh dương: Bầu bổ sung thành viên HĐQT
- Phiếu màu hồng: Bầu bổ sung thành viên BKS

2. Bỏ phiếu:

- Bỏ phiếu bầu cử bổ sung thành viên HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

3. Ghi Phiếu bầu cử:

- Mỗi cổ đông có Tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị hoặc nhân với số thành viên được bầu bổ sung vào Ban Kiểm soát.
- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên Phiếu bầu cử.
- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên, hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng đảm bảo: tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên theo phương thức bầu dồn phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ 1: Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 03 ứng viên bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị. Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó Tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$1.000 \times 3 = 3.000 \text{ Phiếu bầu để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

Trường hợp 1:

Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều Tổng số phiếu bầu của mình cho 3 ứng viên (tương đương mỗi ứng cử viên nhận được 1.000 phiếu bầu)

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	1.000
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	1.000
Tổng số phiếu bầu	3.000

Trường hợp 2: Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết Tổng số phiếu bầu của mình cho 1 ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	0
2. Ứng viên 2	3.000
3. Ứng viên 3	0
Tổng số phiếu bầu	3.000

Trường hợp 3: Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 3 ứng viên (Nhưng không đều nhau)

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	500
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	1.500
Tổng số phiếu bầu	3.000

Trường hợp 4: Cổ đông Nguyễn Văn A không dồn hết 3000 phiếu bầu của mình cho các ứng viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng viên 1	1.000
2. Ứng viên 2	1.000
3. Ứng viên 3	0
Tổng số phiếu bầu	2.000

Ví dụ 2: Bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 02 ứng viên bầu bổ sung vào Ban kiểm soát. Quý cổ đông Nguyễn Văn B nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó Tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn B là:

$$1.000 \times 2 = 2.000 \text{ Phiếu bầu để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.}$$

Cổ đông Nguyễn Văn B có thể bầu dồn phiếu theo các phương thức như bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị như trên.

2. Phiếu bầu không hợp lệ

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có đóng dấu của công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu.
- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì.
- Gạch tên các ứng cử viên.
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu.
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 36

5
N
TN
D
VI
P

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
Ông Phan Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Lê Duy Diệp	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiên	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban
Bà Phan Thùy Đoan	Thành viên
Bà Tăng Tố Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Hùng	Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 407.560.548.650 VND. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Phan Hùng

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2019

Số: 19.133/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính riêng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 3 năm 2019 từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến thuyết minh 2.5 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 407.560.548.650 VND. Đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Do vậy, các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty tiếp tục hoạt động liên tục. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Trịnh Thanh Thanh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
2820-2016-026-1

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		199.885.990.889	411.778.847.808
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	28.928.593.487	80.165.884.922
1. Tiền	111		28.928.593.487	30.165.884.922
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		129.174.177.264	261.087.093.836
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	55.524.996.179	64.741.676.848
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	65.192.314.380	194.422.100.430
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		9.051.416.283	2.480.587.964
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(594.549.578)	(557.271.406)
III. Hàng tồn kho	140		32.782.425.959	42.180.841.492
1. Hàng tồn kho	141	4.6	32.782.425.959	42.180.841.492
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.000.794.179	28.345.027.558
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.169.722.354	18.118.143.069
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	-	9.526.089.946
3. Tài sản ngắn hạn khác	155		831.071.825	700.794.543
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.470.083.960.424	3.173.363.640.926
I. Tài sản cố định	220		3.094.231.506.890	2.455.858.212.911
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	2.774.007.288.157	2.128.546.950.058
Nguyên giá	222		4.328.040.736.436	3.528.106.401.784
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.554.033.448.279)	(1.399.559.451.726)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	320.224.218.733	327.311.262.853
Nguyên giá	228		354.848.857.290	354.128.857.290
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.624.638.557)	(26.817.594.437)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.278.231.598	528.995.089.203
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	193.278.231.598	528.995.089.203
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	129.598.910.093	129.598.910.093
1. Đầu tư vào công ty con	251		103.728.819.600	103.728.819.600
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		22.800.368.003	22.800.368.003
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.069.722.490	3.069.722.490
IV. Tài sản dài hạn khác	260		52.975.311.843	58.911.428.719
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	52.975.311.843	58.911.428.719
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.669.969.951.313	3.585.142.488.734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.429.557.005.673	2.415.331.375.188
I. Nợ ngắn hạn	310		607.446.539.539	637.632.705.675
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	58.508.759.889	50.465.586.014
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	32.182.334.801	15.102.696.578
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	13.193.185.232	4.230.340.018
4. Phải trả người lao động	314		8.907.551.374	10.060.903.273
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	16.328.372.809	14.534.102.619
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	6.764.898.922	6.092.097.327
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	462.997.402.466	525.872.231.466
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.564.034.046	11.274.748.380
II. Nợ dài hạn	330		1.822.110.466.134	1.777.698.669.513
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.11	16.466.323.376	16.466.323.376
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.12	3.867.902.036	7.744.759.976
3. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	37.277.947.942	231.450.824.011
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	1.764.498.292.780	1.522.036.762.150
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.240.412.945.640	1.169.811.113.546
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.17	1.240.092.141.521	1.169.693.432.611
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.552.270.309	15.552.270.309
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.17.3	30.517.061.228	24.843.078.330
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		194.022.809.984	129.298.083.972
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		79.201.545.808	107.324.979.686
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		114.821.264.176	21.973.104.286
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		320.804.119	117.680.935
1. Nguồn kinh phí	431		320.804.119	117.680.935
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.669.969.951.313	3.585.142.488.734



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	914.360.528.027	852.825.834.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		218.241.812	27.623.127
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		914.142.286.215	852.798.211.397
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	594.170.841.648	547.548.121.187
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		319.971.444.567	305.250.090.210
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	16.784.669.946	14.114.233.898
7. Chi phí tài chính	22	5.4	80.388.965.640	159.237.174.498
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		61.121.334.495	55.116.116.725
8. Chi phí bán hàng	25	5.5	81.422.365.868	95.785.672.911
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	42.644.003.734	38.883.385.491
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		132.300.779.271	25.458.091.208
11. Thu nhập khác	31		2.564.049.531	348.052.806
12. Chi phí khác	32		2.670.935.320	565.068.777
13. Lợi nhuận khác	40		(106.885.789)	(217.015.971)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		132.193.893.482	25.241.075.237
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	17.372.629.306	3.267.970.951
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		114.821.264.176	21.973.104.286



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		132.193.893.482	25.241.075.237
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		182.408.953.670	179.919.963.797
Các khoản dự phòng	03		37.278.172	557.271.406
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		17.850.671.160	101.686.150.671
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16.301.161.806)	(14.432.251.202)
Chi phí lãi vay	06	5.4	61.121.334.495	55.116.116.725
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		377.310.969.173	348.088.326.634
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		151.219.871.779	(16.320.977.083)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		9.398.415.533	(8.261.724.225)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(126.615.692.599)	(114.410.080.871)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		5.936.116.876	(13.222.897.982)
Tiền lãi vay đã trả	14		(61.101.975.992)	(55.025.051.306)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(18.402.298.380)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.460.630.741	2.270.592.609
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(9.158.274.777)	(8.467.905.914)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		349.450.060.734	116.247.983.482
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(242.463.443.793)	(205.596.874.692)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.254.545.455	18.046.880.280
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.193.587.114	14.114.233.898
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(226.015.311.224)	(188.435.760.514)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	741.475.709.511	802.499.662.316
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(876.315.039.796)	(690.450.154.569)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho sở hữu	36		(39.832.710.660)	(59.831.544.490)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(174.672.040.945)	52.217.963.257
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		(51.237.291.435)	(19.969.813.775)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		80.165.884.922	100.135.698.697
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	4.1	28.928.593.487	80.165.884.922



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2744/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp Nước Đồng Nai thành công ty cổ phần. Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) chính thức đi vào hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2014.

Công ty đã đăng ký niêm yết chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNW tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)	Giá trị Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng		1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

Vốn pháp định theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 6.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 939 (31/12/2017: 949).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và cung cấp nước sạch.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các công ty con, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty con:				
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch, số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai	52,44%	52,44%	52,44%
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty liên kết:				
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	25,00%	25,00%	25,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Quản lý ghi thu	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Tân Định	Thị trấn Định Quán, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Thiện Tân	Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc	Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch	Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Vĩnh An	Thị trấn Vĩnh An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Long Bình	Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Biên Hòa	Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh cấp nước Long Thành	Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành, Huyện Long Thành
Chi nhánh cấp nước Thạnh Phú	Xã Thiện Tân, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai	Xã Hóa An, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 407.560.548.650 VND. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố. Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty con khi Công ty có quyền kiểm soát các chính sách và hoạt động, thường thể hiện qua việc nắm giữ hơn 50% quyền biểu quyết.

Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được yêu cầu trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 30 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
▪ Tài sản cố định khác	10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 20 đến 48 năm.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Chi phí quy hoạch bản đồ

Chi phí quy hoạch bản đồ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch bản đồ được phân bổ trong 04 năm.

3.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí chi phí liên quan đến công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 đến 3 năm.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.17. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bộ phận bán hàng; chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển....

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm (kể từ năm 2015) đối với các dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----------------|
| ▪ Cung cấp nước | 5% |
| ▪ Dịch vụ lắp đặt công trình công cộng | Không chịu thuế |
| ▪ Dịch vụ lắp đặt khác | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	93.428.311	155.566.905
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.835.165.176	30.010.318.017
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
Cộng	28.928.593.487	80.165.884.922

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018			Tại ngày 01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:						
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch ^(a)	90.978.819.600	151.019.596.800	-	90.978.819.600	104.874.774.000	-
Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh ^(b)	12.750.000.000	22.057.500.000	-	12.750.000.000	19.125.000.000	-
Cộng	103.728.819.600	173.077.096.800	-	103.728.819.600	123.999.774.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân ^(c)	15.000.000.000	(*)	-	15.000.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai ^(d)	7.800.368.003	15.364.440.000	-	7.800.368.003	(*)	-
Cộng	22.800.368.003		-	22.800.368.003		-
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	(*)	-	1.039.722.490	(*)	-
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi ^(e)	2.030.000.000	2.030.000.000	-	2.030.000.000	2.030.000.000	-
Cộng	3.069.722.490		-	3.069.722.490		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(a) Khoản đầu tư này chiếm 52,44% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM với mã niêm yết NTW từ năm 2012. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch là: khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch; xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm; lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước; theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

(b) Khoản đầu tư này chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Công ty Cổ phần Cấp Nước Long Khánh được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM với mã niêm yết LKW từ năm 2012. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh là: khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; thi công xây lắp hệ thống cấp thoát nước.

(c) Khoản đầu tư này chiếm 25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Tân, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Tân là: khai thác lọc nước phục vụ sinh hoạt, đô thị, công nghiệp; lắp đặt trạm bơm, xây dựng đường ống cấp thoát nước.

(d) Khoản đầu tư này chiếm 36% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai, một công ty thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Cấp Nước Đồng Nai là: khai thác nước phục vụ công nghiệp. Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch; lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm; xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước, trạm bơm; xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng.

(a), (b), (d), (e) Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	9.876.314.920	30.767.754.841
Phải thu từ khách hàng khác	45.648.681.259	33.973.922.007
Cộng	55.524.996.179	64.741.676.848

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	183.684.420	-
Công ty Kumho Industrial Co.,Ltd	64.347.260.399	186.536.378.878
Các nhà cung cấp khác	661.369.561	7.885.721.552
Cộng	65.192.314.380	194.422.100.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.022.389.705	427.840.127	946.527.343	389.255.937

Ban Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	30.676.036.458	-	37.459.264.976	-
Công cụ, dụng cụ	301.315.596	-	221.274.846	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.805.073.905	-	4.500.301.670	-
Cộng	32.782.425.959	-	42.180.841.492	-

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	74.980.313.167	398.234.729.958
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2	90.585.054.910	53.976.161.709
Các dự án khác	27.712.863.521	76.784.197.536
Cộng	193.278.231.598	528.995.089.203

Công ty đang đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn 2 và Nhơn Trạch Giai đoạn 2. Tổng giá trị đầu tư của các dự án trên theo dự toán lần lượt là 1.277.084.000.000 VND và 3.567.712.000.000 VND. Để thực hiện các dự án trên, Công ty đã ký kết hợp đồng xây lắp nhà thầu Kumho Industrial Co., Ltd và hợp đồng tư vấn với nhà thầu Công ty Kỹ thuật Dohwa. Tổng giá trị các hợp đồng lần lượt là 36.090.157.368 KRW và 1.753.089.328 KRW. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, các nhà thầu đã thực hiện và bàn giao khối lượng với tổng giá trị lần lượt là 29.995.669.380 VND và 1.687.350.172 VND.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	644.844.048.657	851.486.627.706	1.986.900.949.421	37.378.400.752	7.496.375.248	3.528.106.401.784
Mua trong năm	-	8.889.398.068	-	539.536.364	81.303.000	9.510.237.432
Đầu tư XD/CB hoàn thành	224.542.943.225	191.070.693.592	395.085.344.163	-	-	810.698.980.980
Thanh lý, nhượng bán	(3.173.436.995)	(1.696.269.736)	(14.648.331.543)	(756.845.486)	-	(20.274.883.760)
Tại ngày 31/12/2018	866.213.554.887	1.049.750.449.630	2.367.337.962.041	37.161.091.630	7.577.678.248	4.328.040.736.436
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	305.570.991.410	385.986.333.190	686.255.659.711	18.287.871.080	3.458.596.335	1.399.559.451.726
Khấu hao trong năm	40.891.627.340	51.327.336.495	77.157.445.270	4.346.044.945	879.455.500	174.601.909.550
Thanh lý, nhượng bán	(3.061.872.375)	(1.680.003.666)	(14.648.331.543)	(737.705.413)	-	(20.127.912.997)
Tại ngày 31/12/2018	343.400.746.375	435.633.666.019	748.764.773.438	21.896.210.612	4.338.051.835	1.554.033.448.279
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	339.273.057.247	465.500.294.516	1.300.645.289.710	19.090.529.672	4.037.778.913	2.128.546.950.058
Tại ngày 31/12/2018	522.812.808.512	614.116.783.611	1.618.573.188.603	15.264.881.018	3.239.626.413	2.774.007.288.157

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 1.429.521.397.972 VND đã được dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 226.572.861.712 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất và chi phí bồi thường VND	Quy hoạch bản đồ VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	350.602.966.175	2.814.843.027	711.048.088	354.128.857.290
Mua trong năm	-	-	720.000.000	720.000.000
Tại ngày 31/12/2018	350.602.966.175	2.814.843.027	1.431.048.088	354.848.857.290
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2018	24.762.625.196	1.524.816.273	530.152.968	26.817.594.437
Khấu hao trong năm	7.449.530.800	62.024.660	295.488.660	7.807.044.120
Tại ngày 31/12/2018	32.212.155.996	1.586.840.933	825.641.628	34.624.638.557
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	325.840.340.979	1.290.026.754	30.895.120	327.311.262.853
Tại ngày 31/12/2018	318.390.810.179	1.228.002.094	605.406.460	320.224.218.733

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 313.969.380.025 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay. – Xem thêm mục 4.16.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.680.612.088 VND.

4.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện tử cho khách hàng	21.508.105.089	25.322.995.557
Chi phí sửa chữa cải tạo tài sản cố định	30.341.456.911	30.250.487.281
Các khoản khác	1.125.749.843	3.337.945.881
Cộng	52.975.311.843	58.911.428.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người bán

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	17.297.575.578	17.297.575.578	22.042.642.582	22.042.642.582
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	6.447.755.600	6.447.755.600	5.209.476.800	5.209.476.800
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	4.134.003.203	4.134.003.203	8.073.775.270	8.073.775.270
Phải trả cho các đối tượng khác	30.629.425.508	30.629.425.508	15.139.691.362	15.139.691.362
Cộng	58.508.759.889	58.508.759.889	50.465.586.014	50.465.586.014
Dài hạn:				
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	16.466.323.376	16.466.323.376	16.466.323.376	16.466.323.376

4.12. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	16.971.276.202	503.349.493
Người mua trả tiền trước khác	15.211.058.599	14.599.347.085
Cộng	32.182.334.801	15.102.696.578
Dài hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 7	2.000.000.000	5.876.857.940
Công ty Cổ phần đô thị Amata Long Thành	1.867.902.036	1.867.902.036
Cộng	3.867.902.036	7.744.759.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	547.604.297	547.604.297	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.846.539.360	17.372.629.306	-	9.526.089.946	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	245.787.144	2.139.233.884	1.893.446.740	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	3.854.535.575	4.138.430.440	-	283.894.865
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	432.204.144	466.686.136	466.686.136	-	432.204.144
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	4.121.050.287	35.213.213.238	34.606.403.960	-	3.514.241.009
Cộng	-	13.193.185.232	59.593.902.436	41.104.967.276	9.526.089.946	4.230.340.018

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay phải trả	13.578.886.426	11.306.158.152
Các khoản trích trước khác	2.749.486.383	3.227.944.467
Cộng	16.328.372.809	14.534.102.619

4.15. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	91.950.500	35.862.500
Tiền nước chưa quyết toán	585.838.522	514.252.376
Phí bảo vệ môi trường	2.727.419.894	2.447.186.480
Kinh phí công đoàn	1.495.325.132	1.628.513.772
Phí dịch vụ môi trường rừng phải trả	1.298.852.828	1.199.245.944
Các khoản phải trả, phải nộp khác	565.512.046	267.036.255
Cộng	6.764.898.922	6.092.097.327
Dài hạn:		
Công ty Kumho Industrial Co.,Ltd – Dự án Xây dựng nhà máy nước Thiện Tân giai đoạn 2	33.127.249.852	225.344.268.369
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	999.044.917	2.953.802.978
Bồi thường di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.246.653.173	1.247.752.664
Cộng	37.277.947.942	231.450.824.011

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.16. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	462.997.402.466	462.997.402.466	581.150.486.607	674.304.312.741	525.872.231.466	525.872.231.466
Vay dài hạn	1.764.498.292.780	1.764.498.292.780	507.847.396.512	235.106.868.748	1.522.036.762.150	1.522.036.762.150
Cộng	2.227.495.695.246	2.227.495.695.246	1.088.997.883.119	909.411.181.489	2.047.908.993.616	2.047.908.993.616

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	
Vay ngắn hạn:					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	5,5%-7,0%/năm	89.896.200.656	163.977.702.242	(a)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	5,5% – 7%/năm	142.393.243.529	106.990.920.718	(b)
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	VND	5,5%/năm	-	9.474.647.359	
Vay ngắn hạn của bên liên quan	VND	4,3% – 4,8%/năm	-	45.000.000.000	
Vay dài hạn đến hạn trả:					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	7,5% – 9,5%/năm	56.099.300.420	43.019.057.878	(c)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,0% – 7,5%/năm	19.592.000.000	11.509.400.000	(d)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	8,0% – 9,2%/năm	9.925.700.000	4.955.600.000	(e)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	1,3% – 3,53%/năm	136.479.271.193	134.951.736.601	(f)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,91% – 7,21%/năm	1.157.166.668	1.157.166.668	(g)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,98% – 9,4%/năm	4.836.000.000	4.836.000.000	(h)
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10%/năm	2.618.520.000	-	(i)
Cộng			462.997.402.466	525.872.231.466	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND	
Vay dài hạn:					
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	7,5% – 9,5%/năm	110.179.510.017	138.035.397.695	(c)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,0% – 7,5%/năm	119.467.034.796	76.676.299.896	(d)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	8,0% – 9,2%/năm	36.369.856.966	14.852.783.244	(e)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	1,3% – 3,53%/năm	1.382.734.104.538	1.198.998.798.878	(f)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	6,91% – 7,21%/năm	2.892.916.662	4.050.083.330	(g)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,98% – 9,4%/năm	30.228.818.907	35.064.818.907	(h)
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	JPY	0,97%/năm	69.533.050.894	54.358.580.200	(i)
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10%/năm	13.093.000.000	-	(j)
Cộng			1.764.498.292.780	1.522.036.762.150	

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

(a) và (c) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Một phần Nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011;
- Hệ thống cấp nước Thạnh Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011;
- Quyền sử dụng đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSD đất số 0934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101;
- Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 hình thành trong tương lai.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Nhà làm việc XI nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai;
- Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước Phường Tân Biên, TP Biên Hoà;
- Tài sản hình thành trong tương lai: Hệ thống cấp nước xã Long Hưng Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu 15.000m³; Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân - Trị An; Hệ thống cấp nước xã Bình Sơn, huyện Long Thành và Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng dự án công trình hệ thống cấp nước Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000m³/ngày và các tài sản hình thành sau Cải tạo, lắp đặt các tuyến ống trên địa bàn T.Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch;
- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn 2.

(b), (g), (h), (i) và (j) là các khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình đảm bảo cho các khoản vay lần lượt là 1.429.521.397.972 VND và 313.969.380.025 VND – Xem thêm mục 4.8 và mục 4.9.

4.17. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	1.000.000.000.000	15.552.270.309	10.461.239.107	191.888.934.224	1.217.902.443.640
Lãi trong năm nay	-	-	-	21.973.104.286	21.973.104.286
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	14.381.839.223	(14.381.839.223)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(10.182.115.315)	(10.182.115.315)
Chia cổ tức	-	-	-	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)
Tại ngày 01/01/2018	1.000.000.000.000	15.552.270.309	24.843.078.330	129.298.083.972	1.169.693.432.611
Lãi trong năm nay	-	-	-	114.821.264.176	114.821.264.176
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	5.673.982.898	(5.673.982.898)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.422.555.266)	(4.422.555.266)
Chia cổ tức	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	1.000.000.000.000	15.552.270.309	30.517.061.228	194.022.809.984	1.240.092.141.521

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17.1.Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	100.000.000	100.000.000
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

4.17.2.Cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	400	600

4.17.3.Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2018	24.843.078.330
Trích trong năm	5.673.982.898
Chi trong năm	-
Tại ngày 31/12/2018	<u>30.517.061.228</u>

4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	4.232,09	5.440,81

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu cung cấp nước	856.568.257.058	799.963.062.573
Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	57.792.270.969	52.862.771.951
Cộng	<u>914.360.528.027</u>	<u>852.825.834.524</u>
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 7	232.228.531.777	226.515.539.963

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn cung cấp nước	535.644.369.433	493.261.243.871
Giá vốn cung cấp dịch vụ lắp đặt	58.526.472.215	54.286.877.316
Cộng	594.170.841.648	547.548.121.187

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	14.406.477.000	11.392.555.750
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	787.110.114	2.721.678.148
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.591.082.832	-
Cộng	16.784.669.946	14.114.233.898

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	61.121.334.495	55.116.116.725
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.416.959.985	2.434.907.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.850.671.160	101.686.150.671
Cộng	80.388.965.640	159.237.174.498

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	14.327.461.848	15.548.810.523
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	26.577.497.781	37.028.270.422
Chi phí lắp đặt hệ thống nước, thay thế bảo hành đồng hồ	36.042.772.986	34.653.084.624
Chi phí khấu hao	1.263.101.535	1.159.675.298
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.211.531.718	7.395.832.044
Cộng	81.422.365.868	95.785.672.911

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	26.899.023.590	24.748.176.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.199.763.150	2.284.182.179
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.545.216.994	11.851.026.824
Cộng	42.644.003.734	38.883.385.491

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	82.294.380.082	86.091.635.485
Chi phí nhân công	157.928.671.478	153.160.431.436
Chi phí khấu hao tài sản cố định	182.408.953.670	179.590.240.563
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.924.885.805	70.502.277.647
Chi phí khác bằng tiền	212.985.092.450	192.872.594.458
Cộng	715.541.983.485	682.217.179.589

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	132.193.893.482	25.241.075.237
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	2.772.062.070	2.491.335.267
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia)	(14.406.477.000)	(11.392.555.750)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	120.559.478.552	16.339.854.754
Thu nhập được ưu đãi thuế (thuế suất 10%)	(67.392.664.042)	-
Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất thông thường	53.166.814.510	16.339.854.754
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	10.633.362.902	3.267.970.951
Thuế TNDN từ thu nhập được ưu đãi thuế (thuế suất 10%)	6.739.266.404	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	17.372.629.306	3.267.970.951

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	741.475.709.511	802.499.662.316

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	876.315.039.796	690.450.154.569

7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Công ty con
4. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
5. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Công ty liên kết
6. Các công ty con, công ty liên kết thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty cùng tập đoàn
7. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	2.941.483.104	3.445.045.573
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	539.937.006	2.599.065.594
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	13.803.337.692
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	50.591.365	-
Các công ty cùng tập đoàn	6.050.795.221	10.920.305.982
Cộng – Xem thêm mục 4.3	9.876.314.920	30.767.754.841
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4		
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	183.684.420	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải trả thương mại:		
Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch	(18.216.466.132)	(16.556.974.781)
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	(15.248.713.956)	(20.331.006.500)
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	(298.718.866)	(1.620.984.677)
Cộng – Xem thêm mục 4.11	(33.763.898.954)	(38.508.965.958)
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	(15.050.000.000)	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	(2.000.000.000)	(2.118.000.000)
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	(962.606.436)	(4.000.762.797)
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	(807.960.209)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(150.709.557)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	(261.444.636)
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(18.971.276.202)	(6.380.207.433)
Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty cùng tập đoàn	127.650.987.291	128.066.133.549
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	98.545.162.617	85.180.209.905
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	5.198.100.439	10.809.459.452
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	374.287.020	2.300.099.100
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	239.090.910	25.038.182
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	220.903.500	134.599.775
Cộng – Xem thêm mục 5.1	232.228.531.777	226.515.539.963
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	75.094.277.778	62.116.330.408
Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	2.028.716.066	8.040.427.602
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.741.563.431	-
Các công ty cùng tập đoàn	35.607.535.129	10.528.221.828
Cộng	114.472.092.404	80.684.979.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay và chiết khấu thanh toán:		
Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	1.088.772.259	950.000.000
Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	6.016.353.785	5.492.954.550
8. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	816.846.215	686.707.700
9. SỐ LIỆU SO SÁNH		
Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:		
<u>Bảng cân đối kế toán riêng (Trích):</u>		
	Tại ngày 01/01/2018 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2018 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	194.422.100.430	186.774.056.866
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.526.089.946	8.054.260.176
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	528.995.089.203	544.508.404.880
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	129.298.083.972	135.691.526.315
	Tại ngày 01/01/2017 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	149.675.821.870	146.444.101.008
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	371.866.958.251	377.661.264.900
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8.577.714.634	8.989.007.139
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	191.888.934.224	194.040.227.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)Kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Trích):

	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí tài chính	159.237.174.498	153.934.488.172
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.241.075.237	30.543.761.563
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.267.970.951	4.328.508.216
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	21.973.104.286	26.215.253.347

Việc báo cáo lại số liệu so sánh nêu trên là do trình bày lại khoản chênh lệch tỷ giá giữa thời điểm thu hồi tạm ứng và thời điểm thanh toán so với thời điểm nghiệm thu, liên quan đến các khoản thanh toán cho các nhà thầu nước ngoài của dự án xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn II.

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thu Oanh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập